



HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA

VFCS/PEFC ST 1006:2026

YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN THEO CÁC TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM

*Requirements for certification bodies operating certification against
sustainable forest management and chain of custody standards*

VFCO

46 Đức Thắng
Phường Đông Ngạc
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

T: +84 2466857688
E: info@vfcs.vn
W: <https://vfcs.vn>

Thông tin bản quyền

© VFCS 2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Tài liệu này được cung cấp miễn phí tại website của VFCS tại www.vfcs.vn

Không được sửa đổi, bổ sung, sao chép hoặc nhân bản bất kỳ phần nào của tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào nhằm mục đích thương mại nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tổ chức quản lý/vận hành VFCS.

Phiên bản chính thức của tài liệu này là bản tiếng Việt. Bản dịch của tài liệu có thể được cung cấp bởi tổ chức quản lý/vận hành VFCS. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc nghi ngờ về cách diễn giải ngôn ngữ, bản tiếng Việt là bản tham chiếu.

Tên tài liệu:	Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm
Mã tài liệu:	VFCS/PEFC ST 1006:2026
Phê duyệt bởi:	Văn phòng Chứng nhận Quản lý rừng bền vững
Ngày phê duyệt:	28/05/2026
Ngày công bố:	28/5/2026
Ngày có hiệu lực:	Khi được PEFC công nhận
Thời gian chuyển tiếp	Trong 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực
Ngày xem xét sửa đổi:	28/05/2031

Mục lục

Lời nói đầu.....	4
Giới thiệu	5
1 Phạm vi áp dụng.....	6
2 Tài liệu viện dẫn.....	6
3 Thuật ngữ và định nghĩa	6
4 Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững.....	9
4.1 Yêu cầu chung	9
4.2 Yêu cầu về nguồn lực.....	10
4.3 Yêu cầu về thông tin.....	17
4.4 Yêu cầu đối với quá trình đánh giá	20
4.5 Yêu cầu hệ thống quản lý.....	30
5 Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC	30
Phụ lục A (quy định) Chứng nhận quản lý rừng theo nhóm.....	31
Phụ lục B (quy định) Công nhận được Hội đồng PEFC chấp nhận	35
Phụ lục C (quy định) Chỉ định tổ chức chứng nhận theo VFCS/PEFC	36
Phụ lục D (quy định) Yêu cầu bổ sung đối với tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận cây ngoài rừng	37
Phụ lục E (tham khảo) Danh mục các quy định liên quan đến quản lý rừng áp dụng đối với các tổ chức khách hàng	44
Tài liệu tham khảo.....	45

Lời nói đầu

Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS) được xây dựng nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chứng nhận các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng tại Việt Nam phù hợp với các yêu cầu của Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC).

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) theo VFCS.

Tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận SFM phải được công nhận theo ISO/IEC 17021-1 bởi tổ chức công nhận là thành viên ký kết Thỏa ước thừa nhận đa phương của Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF MLA) đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý.

Tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận CoC phải được công nhận theo ISO/IEC 17065 bởi tổ chức công nhận là thành viên ký kết IAF MLA đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho cả chứng nhận quản lý rừng đơn và chứng nhận rừng theo nhóm. Các yêu cầu đối với chứng nhận rừng theo nhóm được quy định trong VFCS/PEFC ST 1004, phù hợp với Phụ lục A của tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn này cũng áp dụng đối với cây ngoài rừng (Trees outside Forests – TOF). Trừ khi có quy định khác trong các yêu cầu của VFCS đối với TOF, tất cả các quy định áp dụng cho rừng và hoạt động lâm nghiệp cũng được áp dụng đối với TOF.

Các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn này được xây dựng trên cơ sở PEFC ST 1004:2024. Đối với chứng nhận SFM, không bổ sung bất kỳ yêu cầu nào về thủ tục chứng nhận ngoài các yêu cầu đã được quy định trong PEFC ST 1004:2024.

Giới thiệu

Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (QLRBV&CCR) được thực hiện từ những năm 2000 dựa trên Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và tiếp tục được ưu tiên trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, QLRBV&CCR đã được luật hóa tại Điều 27 và Điều 28 của Luật Lâm nghiệp.

Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS) được thiết lập trên cơ sở Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Trong giai đoạn 2019-2021, Tổng cục Lâm nghiệp đóng vai trò là Cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia (NGB) và Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (VFCO) trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp. VFCS chính thức được PEFC công nhận vào ngày 29/10/2020. Tháng 10/2021, vai trò NGB được giao cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS) và VFCO được giao là tổ chức vận hành VFCS.

Chứng nhận quản lý rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng trong VFCS/PEFC và là cơ sở để các tổ chức chứng nhận sử dụng trong đánh giá cấp chứng chỉ cho các chủ rừng, doanh nghiệp sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

Tài liệu này được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn PEFC ST 1004:2024, *Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận theo các tiêu chuẩn quản lý rừng được PEFC công nhận*; tiêu chuẩn PEFC ST 2003:2020, *Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm quốc tế PEFC*; tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17065:2013 (ISO/IEC 17065:2012), *Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ*; và tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 (ISO/IEC 17021-1:2015), *Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý*.

Tài liệu này được xây dựng để cập nhật các quy định pháp luật và PEFC. Tài liệu này thay thế tài liệu VFCS/PEFC ST 1006:2019, *Quy định đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững theo Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia hoặc chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC*.

1 Phạm vi áp dụng

Tài liệu này quy định các yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận quản lý rừng bền vững và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm theo các tiêu chuẩn áp dụng trong VFCS/PEFC.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn dưới đây là cần thiết cho việc áp dụng tài liệu này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi (nếu có).

PEFC ST 1004:2024, *Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận theo các tiêu chuẩn quản lý rừng được PEFC công nhận*

PEFC ST 2003:2020, *Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận thực hiện hoạt động chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm PEFC*

PEFC ST 2002:2020, *Chuỗi hành trình sản phẩm của các sản phẩm từ rừng và cây ngoài rừng – Các yêu cầu*

PEFC ST 2001:2020, *Nguyên tắc sử dụng nhãn PEFC – Các yêu cầu*

VFCS/PEFC ST 1003:2026 (TCVN 14596:2025), *Quản lý rừng bền vững – Các yêu cầu*

VFCS/PEFC ST 1004:2026, *Quản lý rừng bền vững theo nhóm – Các yêu cầu*

TCVN ISO/IEC 17065:2013 (ISO/IEC 17065:2012), *Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ*

TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 (ISO/IEC 17021-1:2015), *Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 1: Các yêu cầu*

TCVN ISO/IEC 17000:2020 (ISO/IEC 17000:2020), *Đánh giá sự phù hợp – Từ vựng và các nguyên tắc chung*

TCVN ISO 19011:2018 (ISO 19011:2018), *Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý*

IAF MD 4:2025, *IAF Mandatory Document for the Use of Information and Communication Technology (ICT) for Conformity Assessment Purposes*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tài liệu này, các thuật ngữ và định nghĩa liên quan được quy định trong TCVN ISO/IEC 17000, TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 (ISO/IEC 17021-1:2015), TCVN ISO/IEC 17065:2013 (ISO/IEC 17065:2012), VFCS/PEFC ST 1003:2026 (TCVN 14596:2025), VFCS/PEFC ST 1004 được áp dụng cùng với các thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

3.1 Bên liên quan bị ảnh hưởng

Tổ chức, cá nhân có thể bị ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện sống và làm việc bởi các hoạt động của Tổ chức nhóm.

CHÚ THÍCH 1: Các bên liên quan bị ảnh hưởng có thể bao gồm cộng đồng dân cư, người dân địa phương, người lao động,... Tuy nhiên, các tổ chức, cá nhân chỉ quan tâm đến nội dung của tiêu chuẩn (ví dụ các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng khoa học, các tổ chức xã hội) không được coi là bên liên quan bị ảnh hưởng.

CHÚ THÍCH 2: Bên liên quan có thể là người sử dụng tiêu chuẩn, tức là các đối tượng có khả năng áp dụng tiêu chuẩn và trở thành một chủ thể được cấp chứng chỉ, ví dụ: chủ rừng trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, hoặc doanh nghiệp chế biến gỗ trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm.

3.2. Cơ quan quản lý quốc gia PEFC (PEFC National Governing Body)

Tổ chức độc lập ở cấp quốc gia, được thành lập để xây dựng và triển khai hệ thống PEFC trong phạm vi quốc gia của mình. Danh sách các cơ quan chức năng, được thành lập để xây dựng và triển khai hệ thống PEFC trong phạm vi quốc gia của mình hoặc doanh nghiệp chế biến gỗ trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chuỗi hành nghề.

CHÚ THÍCH: Tại Việt Nam, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS) là cơ quan quản lý quốc gia PEFC (PEFC NGB) và đồng thời là cơ quan được PEFC ủy quyền. Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (VFCS) đã được ủy quyền quản lý hoạt động của VFCS (được gọi là tổ chức có thẩm quyền VFCS).

3.3 Cơ sở dữ liệu được PEFC thừa nhận (PEFC recognised database)

Cơ sở dữ liệu do các cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia hoặc do các chủ sở hữu chứng chỉ rừng theo nhóm quản lý, trong đó mọi dữ liệu cần thiết để triển khai chứng nhận quản lý rừng - như dữ liệu cập nhật của các thành viên nhóm và diện tích thuộc phạm vi chứng chỉ - được thu thập, duy trì và được bảo vệ một cách phù hợp.

3.4 Chuyên gia kỹ thuật (technical expert)

Người cung cấp kiến thức hoặc chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá.

CHÚ THÍCH: Kiến thức hoặc chuyên môn cụ thể là kiến thức hoặc chuyên môn liên quan đến tổ chức, quá trình hoặc hoạt động được đánh giá.

[NGUỒN: ISO/IEC 17021:2015, 3.14]

3.5 Chứng chỉ (certificate)

Văn bản do tổ chức chứng nhận cấp theo quy định của tiêu chuẩn này, xác nhận rằng các yêu cầu được quy định trong tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC và tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm PEFC được đáp ứng.

CHÚ THÍCH: “Chứng chỉ” đôi khi được gọi là “tài liệu chứng nhận”.

3.6 Chương trình đánh giá (audit programme)

Các sắp đặt cho tập hợp một hay nhiều cuộc *đánh giá* được hoạch định cho một khoảng thời gian cụ thể và nhằm mục đích cụ thể.

[NGUỒN: ISO 19011:2018, 3.4]

3.7 Chứng nhận bị chấm dứt (terminated certification)

Chứng nhận được khách hàng tự nguyện chấm dứt trong thời gian còn hiệu lực của chu kỳ chứng nhận.

3.8 Chứng nhận bị đình chỉ (suspended certification)

Chứng nhận bị tổ chức chứng nhận tạm thời làm mất hiệu lực.

3.9 Chứng nhận bị hết hiệu lực (expired certification)

Chứng nhận không được gia hạn sau ngày hết hạn của chứng chỉ.

3.10 Công nghệ thông tin và truyền thông (information and communication technologies)

ICT

Việc sử dụng công nghệ để thu thập, lưu trữ, truy xuất, xử lý, phân tích và truyền tải thông tin.

CHÚ THÍCH 1: ICT bao gồm phần mềm và phần cứng như điện thoại thông minh, thiết bị cầm tay, máy tính xách tay, máy tính để bàn, thiết bị bay không người lái, máy quay video, thiết bị đeo thông minh, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ khác.

CHÚ THÍCH 2: Việc sử dụng ICT có thể phù hợp cho các hoạt động đánh giá và chứng nhận cả tại chỗ và từ xa.

CHÚ THÍCH 3: Việc sử dụng ICT phải tuân thủ IAF MD 4:2025 và các hướng dẫn bổ sung do VFCS ban hành

(nếu có).

[NGUỒN: IAF MD 4:2025]

3.11 Đánh giá đặc biệt (special audits)

Các cuộc đánh giá đặc biệt là các cuộc đánh giá không được lập kế hoạch trước, hoặc nằm ngoài chương trình đánh giá, và có thể được thực hiện trong thời gian thông báo ngắn.

CHÚ THÍCH: Các cuộc đánh giá đặc biệt có thể cần thiết do mở rộng phạm vi, hoặc để điều tra khiếu nại hoặc các mối quan ngại có căn cứ.

3.12 Đánh giá từ xa (remote auditing)

Các hoạt động đánh giá có thể được thực hiện tại các địa điểm từ xa thông qua việc sử dụng ICT.

3.13 Hành vi tham nhũng (corrupt practice)

Hành vi tham nhũng bao gồm hối lộ công chức; tham ô, lợi dụng ảnh hưởng, lạm dụng chức vụ và làm giàu bất hợp pháp của công chức; hối lộ và tham ô trong khu vực tư nhân; cũng như rửa tiền và cản trở hoạt động tư pháp, phù hợp với quy định luật pháp Việt Nam về phòng chống tham nhũng và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

3.14 Kế hoạch đánh giá (audit plan)

Sự mô tả các hoạt động và sắp xếp cho một cuộc *đánh giá*.

[NGUỒN: ISO 19011:2018, 3.6]

3.15 Mối quan ngại có căn cứ (substantiated concern)

Thông tin hoặc khiếu nại được hỗ trợ bằng bằng chứng hoặc chứng cứ, cho thấy có sự không tuân thủ nghiêm trọng đối với các yêu cầu của VFCS hoặc các hệ thống chứng chỉ được PEFC công nhận và/hoặc tồn tại rủi ro về uy tín đối với VFCS và PEFC.

CHÚ THÍCH: Mối quan ngại đã được xác thực có thể là mối quan ngại của bên thứ ba, cũng như mối quan ngại của chính khách hàng.

3.16 Người ra quyết định chứng nhận (certification decision maker)

Một người hoặc một nhóm người (ví dụ một ủy ban) mà không tham gia vào quá trình đánh giá và được chỉ định bởi tổ chức chứng nhận để đưa ra quyết định chứng nhận.

3.17 Sự không phù hợp nặng (major nonconformity)

Sự thiếu vắng, hoặc không thực hiện và duy trì, một hoặc nhiều yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong VFCS/PEFC mà theo đó cuộc đánh giá được tiến hành, có thể dẫn đến rủi ro mang tính hệ thống đối với chức năng và hiệu lực của quản lý rừng.

CHÚ THÍCH: Sự không phù hợp nặng có thể là một sự không phù hợp riêng lẻ hoặc là một số sự không phù hợp nhẹ nhưng có liên quan với nhau mà khi được xem xét tổng thể được đánh giá là cấu thành một sự không phù hợp nặng.

3.18 Sự không phù hợp nhẹ (minor nonconformity)

Sự không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC và các yêu cầu liên quan của VFCS và PEFC, mà theo đó cuộc đánh giá được tiến hành, nhưng không dẫn đến rủi ro mang tính hệ thống đối với chức năng và hiệu quả của quản lý rừng.

3.19 Thẩm xét viên (reviewer)

Người hoặc một nhóm người (ví dụ: một ủy ban) không tham gia vào quá trình đánh giá và được tổ chức chứng nhận chỉ định để rà soát toàn bộ thông tin và kết quả liên quan đến cuộc đánh giá.

3.20 Thông tin dạng văn bản (documented information)

Thông tin cần được tổ chức kiểm soát và duy trì, dưới bất kỳ định dạng và phương tiện nào, từ bất

kỳ nguồn nào.

3.21 Tổ chức chứng nhận (certification body)

Tổ chức đánh giá sự phù hợp của bên thứ ba thực hiện hoạt động chứng nhận theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và/hoặc chuỗi hành trình sản phẩm của VFCS/PEFC.

3.22 Tổ chức công nhận (accreditation body)

Tổ chức có thẩm quyền thực hiện hoạt động công nhận. Trong đó công nhận là xác nhận sự phù hợp của bên thứ ba đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp thể hiện sự thừa nhận chính thức về năng lực thực hiện các hoạt động đánh giá sự phù hợp cụ thể của tổ chức đó.

[NGUỒN: Dựa trên ISO/IEC 17011]

3.23 Tổ chức được PEFC ủy quyền (PEFC authorised body)

Tổ chức được PEFC ủy quyền là một thực thể được Hội đồng PEFC cho phép thay mặt Hội đồng PEFC cấp phép sử dụng nhãn PEFC và thực hiện chỉ định các tổ chức chứng nhận. Thông thường, các tổ chức được ủy quyền là các cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia của PEFC.

3.24 Tổ chức khách hàng/khách hàng (client organisation/client)

Tổ chức, bao gồm cả tổ chức nhóm, đã được chứng nhận hoặc đang đề nghị chứng nhận đối với hệ thống quản lý rừng hoặc hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm của mình.

CHÚ THÍCH: Khách hàng là chủ sở hữu chứng chỉ và chịu trách nhiệm bảo đảm rằng tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng được đáp ứng đối với diện tích được chứng nhận thuộc phạm vi của chứng chỉ đó hoặc yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC CoC được đáp ứng đối với hệ thống CoC.

4 Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững

4.1 Yêu cầu chung

4.1.1 Các vấn đề pháp lý và thỏa thuận chứng nhận

4.1.1.1 Tổ chức chứng nhận phải thiết lập một thỏa thuận chứng nhận có hiệu lực pháp lý với khách hàng.

4.1.1.2 Thỏa thuận chứng nhận với khách hàng phải quy định rõ:

- a) Tiêu chuẩn ISO/IEC áp dụng mà theo đó tổ chức chứng nhận đang thực hiện hoạt động chứng nhận;
- b) Tình trạng công nhận của tổ chức chứng nhận, phạm vi công nhận và tổ chức đã cấp công nhận;
- c) Tình trạng tổ chức chứng nhận được PEFC chỉ định, phạm vi chỉ định và tổ chức được PEFC ủy quyền đã ban hành chỉ định.

4.1.1.3 Thỏa thuận chứng nhận phải bao gồm ít nhất các nội dung sau:

– Thực hiện các yêu cầu:

- a) Cam kết của khách hàng thực hiện đầy đủ các yêu cầu chứng nhận, bao gồm việc thực hiện một cách phù hợp;
- b) Cam kết của khách hàng thực hiện các thay đổi trong thời gian chuyển tiếp đã thỏa thuận khi có thay đổi đối với các yêu cầu chứng nhận;
- c) Cam kết của khách hàng lưu giữ hồ sơ chứng minh sự tuân thủ các yêu cầu chứng nhận trong suốt thời gian của chu kỳ hiện tại cộng với chu kỳ chứng nhận trước đó;
- d) Nghĩa vụ của khách hàng thông báo cho tổ chức chứng nhận trong vòng 30 ngày về các thay đổi có thể ảnh hưởng đến khả năng tuân thủ các yêu cầu chứng nhận;

– Quá trình đánh giá:

- e) Cam kết của khách hàng cung cấp quyền tiếp cận trong quá trình chứng nhận cho các quan sát

viên từ tổ chức công nhận, Hội đồng PEFC và/hoặc VFCS, cũng như đại diện người lao động và công đoàn (ví dụ: cho các hoạt động chứng kiến hoặc đánh giá xác nhận), khi có yêu cầu;

- f) Cam kết của khách hàng thực hiện các sắp xếp cần thiết cho việc tiến hành các cuộc đánh giá và điều tra khiếu nại;
- g) Các điều kiện theo đó tổ chức chứng nhận có thể tiến hành các cuộc đánh giá đặc biệt, theo 4.4.6.3, và cam kết của khách hàng chấp nhận các cuộc đánh giá đó;
- Sử dụng nhãn:
 - h) Cam kết của khách hàng sử dụng nhãn PEFC và VFCS, nhãn của tổ chức công nhận và nhãn của tổ chức chứng nhận phù hợp với các yêu cầu áp dụng và phù hợp với phạm vi chứng nhận, đồng thời không đưa ra bất kỳ viện dẫn hoặc tuyên bố nào có thể gây hiểu nhầm, không được phép hoặc có thể làm ảnh hưởng đến uy tín của PEFC và VFCS, tổ chức chứng nhận hoặc tổ chức công nhận;
 - i) Khi chứng nhận bị đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt, cam kết của khách hàng ngừng sử dụng mọi tài liệu quảng bá có chứa bất kỳ viện dẫn nào đến chứng nhận và thực hiện các hành động, biện pháp theo yêu cầu của VFCS và PEFC (ví dụ: hoàn trả tài liệu chứng nhận), khi thích hợp;
 - j) Khi chứng nhận bị đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt, hoặc khi VFCS hoặc tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC bị đình chỉ hoặc chấm dứt, cam kết của khách hàng ngừng mọi việc sử dụng các khai báo PEFC hoặc nhãn PEFC;
 - k) Nếu khách hàng cung cấp bản sao các tài liệu chứng nhận cho bên khác, các tài liệu phải được sao chép đầy đủ hoặc theo quy định của hệ thống chứng nhận được PEFC công nhận;
 - l) Cam kết của khách hàng lưu giữ hồ sơ về tất cả các khiếu nại và các mối quan ngại đã được xác thực nhận được liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận;
 - m) Cam kết của khách hàng thực hiện hành động thích hợp đối với các khiếu nại và mọi thiếu sót ảnh hưởng đến việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận;
 - n) Cam kết của khách hàng cung cấp hồ sơ về tất cả các khiếu nại và các mối quan ngại đã được xác thực cho tổ chức chứng nhận, Hội đồng PEFC, VFCS và/hoặc tổ chức công nhận khi có yêu cầu.

4.1.2 Đảm bảo tính khách quan

4.1.2.1 Tổ chức chứng nhận phải thiết lập các thủ tục để đảm bảo rằng nhân sự tham gia các hoạt động chứng nhận không có xung đột lợi ích và độc lập với khách hàng.

4.1.3 Bảo mật

4.1.3.1 Tổ chức chứng nhận phải tuân thủ tất cả các luật áp dụng về quyền riêng tư và bảo mật thông tin, dữ liệu.

4.1.3.2 Tổ chức chứng nhận phải cam kết tham gia một thỏa thuận liên quan đến bảo vệ dữ liệu với Hội đồng PEFC và khi thích hợp, cả với VFCS. Thỏa thuận phải quy định quyền và nghĩa vụ của từng bên liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thỏa thuận cũng quy định các đặc thù của việc xử lý dữ liệu, như phạm vi và mục đích, mối quan hệ giữa bên kiểm soát dữ liệu và bên xử lý dữ liệu.

4.1.4 Cách tiếp cận dựa trên rủi ro

Các tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận quản lý rừng bền vững phải áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro.

4.2 Yêu cầu về nguồn lực

4.2.1 Nhân sự tham gia các hoạt động đánh giá chứng nhận

4.2.1.1 Yêu cầu chung

4.2.1.1.1 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng nhân sự tham gia các hoạt động chứng nhận có kiến thức và năng lực phù hợp tương ứng với các hoạt động này, bao gồm kiến thức đặc thù về VFCS và PEFC.

4.2.1.1.2 Bất kỳ nhân sự nào tham gia chứng nhận VFCS và PEFC phải có ít nhất kiến thức cơ bản về hệ thống VFCS và PEFC và các tiêu chí chứng nhận phù hợp với vai trò và trách nhiệm của họ.

4.2.1.1.3 Tổ chức chứng nhận nên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tạo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, thúc đẩy bình đẳng giới và không có hành vi đe dọa hoặc quấy rối tại nơi làm việc. Cần triển khai đào tạo phù hợp và các chính sách nội bộ.

4.2.1.2 Đánh giá viên

4.2.1.2.1 Yêu cầu chung

Tổ chức chứng nhận phải có một quá trình được lập thành thông tin dạng văn bản để đảm bảo rằng các đánh giá viên có các phẩm chất cá nhân, kiến thức và kỹ năng phù hợp với các yêu cầu của VFCS.

4.2.1.2.2 Trình độ học vấn

4.2.1.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên có kiến thức tương ứng với ít nhất trình độ giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương).

CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.

4.2.1.2.2.2 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên đã tham gia các khóa đào tạo chính thức liên quan đến lâm nghiệp.

4.2.1.2.2.3 Trình độ học vấn cụ thể liên quan đến lâm nghiệp (xem 4.2.1.2.2.2) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ học vấn yêu cầu.

4.2.1.2.3 Kinh nghiệm làm việc

4.2.1.2.3.1 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên có tối thiểu ba (3) năm kinh nghiệm làm việc toàn thời gian trong một lĩnh vực liên quan (ví dụ: lâm nghiệp, cây ngoài rừng, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên).

4.2.1.2.3.2 Tổng số năm kinh nghiệm làm việc có thể được giảm một năm nếu đánh giá viên đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực lâm nghiệp, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên.

CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.

4.2.1.2.4 Đào tạo về quản lý rừng theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC

Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên mới đã được tham gia và hoàn thành khóa đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức trước khi bắt đầu các hoạt động đánh giá.

CHÚ THÍCH: Trang web của VFCS và PEFC cung cấp thêm thông tin về các khóa đào tạo.

4.2.1.2.5 Đào tạo đánh giá

Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên đã hoàn thành đào tạo về kỹ thuật đánh giá dựa trên ISO 19011.

4.2.1.2.6 Kinh nghiệm đánh giá

Đối với việc công nhận đủ năng lực lần đầu của một đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng đánh giá viên đã thực hiện, với tư cách là đánh giá viên đang đào tạo, ít nhất 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá ISO 9001, 14001 hoặc 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) dưới sự hướng dẫn của trưởng đoàn đánh giá đủ điều kiện trong vòng một năm gần nhất.

CHÚ THÍCH: Thời gian 40 giờ với tư cách đánh giá viên đang đào tạo nên bao gồm các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá lần đầu, đánh giá giám sát và đánh giá tái chứng nhận).

4.2.1.2.7 Năng lực

4.2.1.2.7.1 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng theo các nội dung sau:

- a) Các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và quản lý rừng theo nhóm áp dụng trong VFCS/PEFC;
- b) Các nguyên tắc, thủ tục và kỹ thuật đánh giá, và cách áp dụng phù hợp cho các loại hình đánh giá khác nhau, đồng thời đảm bảo các cuộc đánh giá được thực hiện một cách nhất quán và có hệ thống;
- c) Quản lý một tổ chức, bao gồm quy mô tổ chức, cơ cấu, chức năng và các mối quan hệ, các quá trình kinh doanh chung, quản lý rủi ro và các khía cạnh văn hóa và xã hội;
- d) Kiến thức phù hợp về đặc điểm dân số - xã hội, các vấn đề bền vững, các vấn đề văn hóa (bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương và các quy định liên quan, khi áp dụng, cũng như quan hệ lao động trong khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý rừng;
- e) Kiến thức về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác, bao gồm:
 - (i) Hợp đồng và thỏa thuận và/hoặc thỏa ước lao động tập thể (khi áp dụng);
 - (ii) Hệ thống quản trị rừng và thực thi pháp luật của quốc gia, bao gồm các quy định về quyền xã hội, quyền của người lao động và công đoàn và an toàn, sức khỏe nghề nghiệp của người lao động;
 - (iii) Các công ước quốc tế liên quan đến quyền của người lao động (các công ước cốt lõi của ILO);
 - (iv) Các hiệp ước và công ước quốc tế liên quan đến lâm nghiệp, thương mại lâm sản và các sản phẩm từ cây ngoài rừng;
- f) Các nguyên tắc quản lý rừng dựa trên các kỹ thuật, bao gồm: điều tra rừng, lập kế hoạch, bảo vệ, quản lý hệ sinh thái rừng, xác định và quản lý các khu vực rừng có tầm quan trọng sinh thái, trữ lượng các-bon và đa dạng sinh học, cũng như các khía cạnh kỹ thuật của hoạt động lâm nghiệp và các tác động tiềm tàng của chúng;
- g) Hiểu biết và khả năng áp dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong giám sát và quản lý rừng;
- h) Quản lý và kiểm soát tài liệu trực tuyến, dữ liệu và hồ sơ, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và
- i) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro.

4.2.1.2.7.2 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng đoàn đánh giá bao gồm các cá nhân có đầy đủ các năng lực phù hợp với phạm vi đánh giá.

4.2.1.2.8 Duy trì năng lực của đánh giá viên

4.2.1.2.8.1 Đào tạo về quản lý rừng theo VFCS và PEFC

4.2.1.2.8.1.1 Để duy trì công nhận đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng các đánh giá viên đã được công nhận đủ năng lực tham gia khóa đào tạo cập nhật về quản lý rừng VFCS và PEFC với mỗi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành.

4.2.1.2.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng khóa đào tạo cập nhật nêu tại 4.2.1.2.8.1.1. được hoàn thành thành công trước khi tiến hành các cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn đã được sửa đổi.

4.2.1.2.8.2 Kinh nghiệm đánh giá

4.2.1.2.8.2.1 Để duy trì công nhận đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng đánh giá viên đã thực hiện tối thiểu 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá ISO 9001, 14001 hoặc 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) mỗi năm.

4.2.1.2.8.2.2 Trong các trường hợp ngoại lệ, như nghỉ theo quy định pháp luật, ốm dài hạn hoặc thiếu cơ hội cung cấp dịch vụ chứng nhận, các đánh giá viên không thể tuân thủ yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 phải thực hiện 20 giờ đánh giá quản lý rừng dưới sự hướng dẫn của một đánh giá viên đủ năng lực, hoặc trải qua đánh giá chính thức về năng lực do tổ chức chứng nhận thực hiện trước khi đánh giá viên quay trở lại thực hiện các hoạt động đánh giá.

CHÚ THÍCH: Trường hợp ngoại lệ được áp dụng với thời gian không thể tuân thủ yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 tối đa 24 tháng.

4.2.1.3 Đoàn đánh giá

4.2.1.3.1 Yêu cầu chung

4.2.1.3.1.1 Đoàn đánh giá phải bao gồm các đánh giá viên đáp ứng các yêu cầu được quy định tại 4.2.1.2.7.

4.2.1.3.1.2 Tổ chức chứng nhận phải có thủ tục dạng văn bản để lựa chọn và phân công đoàn đánh giá, bao gồm trưởng đoàn đánh giá.

4.2.1.3.1.3 Tổ chức chứng nhận phải cân nhắc sự cân bằng giới trong đoàn đánh giá.

4.2.1.3.2 Chuyên gia kỹ thuật

4.2.1.3.2.1 Tổ chức chứng nhận có thể huy động chuyên gia kỹ thuật để hỗ trợ đoàn đánh giá. Chuyên gia kỹ thuật phải độc lập với khách hàng và tên, trình độ chuyên môn và đơn vị liên kết của họ phải được đưa vào báo cáo đánh giá.

4.2.1.3.2.2 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn được khai báo và được quản lý.

4.2.1.3.2.3 Tổ chức chứng nhận phải đảm bảo rằng chuyên gia kỹ thuật báo cáo cho trưởng đoàn đánh giá, chỉ hoạt động trong phạm vi nhiệm vụ của mình, không đưa ra quyết định chứng nhận và không đưa ra các phát hiện đánh giá.

4.2.1.3.3 Người biên dịch và phiên dịch

4.2.1.3.3.1 Người biên dịch và phiên dịch được sử dụng trong cuộc đánh giá phải độc lập với khách hàng.

4.2.1.3.3.2 Trong trường hợp không có sẵn người biên dịch và/hoặc người phiên dịch độc lập, tên của những người này và mối liên hệ của họ với khách hàng phải được đưa vào báo cáo đánh giá.

4.2.1.3.3.3 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn được quản lý.

4.2.1.4 Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận

4.2.1.4.1 Yêu cầu chung

4.2.1.4.1.1 Tổ chức chứng nhận phải chịu trách nhiệm và phải giữ thẩm quyền đối với các quyết định liên quan đến chứng nhận.

4.2.1.4.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận độc lập với đoàn đánh giá và khách hàng.

4.2.1.4.1.3 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng nhân sự tham gia vào quá trình xem xét và ra quyết định có mối quan hệ ràng buộc về mặt pháp lý với tổ chức chứng nhận, bao gồm việc tuân thủ của nhân sự đối với các yêu cầu trong tiêu chuẩn này.

CHÚ THÍCH: Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có thể là cùng một cá nhân.

4.2.1.4.2 Trình độ học vấn

4.2.1.4.2.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương).

CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.

4.2.1.4.2.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã tham gia các khóa đào tạo chính thức liên quan đến lâm nghiệp.

4.2.1.4.2.3 Trình độ học vấn chuyên ngành lâm nghiệp cụ thể (xem 4.2.1.4.2.2) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ học vấn yêu cầu.

4.2.1.4.3 Kinh nghiệm làm việc

4.2.1.4.3.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có kinh nghiệm phù hợp với cuộc đánh giá mà họ xem xét.

4.2.1.4.3.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có tối thiểu ba năm kinh nghiệm làm việc toàn thời gian trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp.

4.2.1.4.3.3 Số năm kinh nghiệm làm việc có thể được giảm một năm nếu thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực liên quan (ví dụ: lâm nghiệp, cây ngoài rừng, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên).

CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.

4.2.1.4.3.4 Một đánh giá viên quản lý rừng VFCS và PEFC đủ năng lực được coi là đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kinh nghiệm làm việc.

4.2.1.4.4 Đào tạo quản lý rừng theo VFCS/PEFC

4.2.1.4.4.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng các thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã tham gia khóa đào tạo ban đầu về quản lý rừng theo VFCS/PEFC do VFCS tổ chức.

4.2.1.4.4.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng các thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã hoàn thành khóa đào tạo trước khi bắt đầu các hoạt động chứng nhận của mình.

CHÚ THÍCH: Thông tin chi tiết về các khóa đào tạo được đăng tải trên website của VFCS.

4.2.1.4.5 Đào tạo đánh giá

Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã hoàn thành đào tạo về kỹ thuật đánh giá dựa trên ISO 19011.

4.2.1.4.6 Kinh nghiệm đánh giá

Đối với công nhận đủ năng lực lần đầu của thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã tham gia với vai trò quan sát viên trong các cuộc đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) với thời lượng tối thiểu tám giờ.

Hoạt động quan sát phải bao gồm cuộc họp khai mạc, một phần đánh giá tại văn phòng, một phần đánh giá hiện trường và cuộc họp kết thúc.

4.2.1.4.7 Năng lực

4.2.1.4.7.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực sau:

- Mục tiêu và các yêu cầu về quản lý rừng bền vững; quản lý rừng theo nhóm theo các tiêu chuẩn, quy định áp dụng trong VFCS/PEFC;
- Hiểu biết về đặc điểm nhân khẩu - xã hội, các vấn đề về tính bền vững và các vấn đề văn hóa (bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương và các quy định liên quan, khi áp dụng, cũng như quan hệ lao động trong khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý rừng;
- Kiến thức chung về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác liên quan đến quản lý rừng, các vấn đề lao động và quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu;

- d) Các nguyên tắc quản lý rừng;
- e) Quản lý và kiểm soát tài liệu trực tuyến, dữ liệu và hồ sơ, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và
- f) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro.

4.2.1.4.7.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng nhóm thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận bao gồm các cá nhân mà tổng thể có đầy đủ các năng lực yêu cầu đối với phạm vi cuộc đánh giá.

4.2.1.4.8 Duy trì công nhận đủ năng lực với tư cách thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận

4.2.1.4.8.1 Đào tạo quản lý rừng theo tiêu chuẩn áp dụng trong VFCS/PEFC

4.2.1.4.8.1.1 Để duy trì công nhận đủ năng lực của thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia đào tạo cập nhật quản lý rừng VFCS/PEFC mỗi khi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC mà họ được công nhận để thực hiện các hoạt động chứng nhận tương ứng, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành.

4.2.1.4.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đào tạo cập nhật này được hoàn thành thành công trước khi thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận thực hiện các hoạt động chứng nhận theo tiêu chuẩn đã được cập nhật.

4.2.1.4.8.2 Kinh nghiệm đánh giá

Để duy trì công nhận đủ năng lực của thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia với vai trò quan sát viên trong các cuộc đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) với tổng thời lượng tối thiểu 16 giờ trong mỗi hai năm, và bao gồm một phần đánh giá tại văn phòng, một phần đánh giá hiện trường và cuộc họp kết thúc.

CHÚ THÍCH: Hoạt động quan sát có thể được thực hiện từ xa thông qua ICT.

4.2.2 Hồ sơ nhân sự và giám sát hằng năm

4.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải duy trì hồ sơ về việc tuân thủ của nhân sự đối với các yêu cầu của chương này.

CHÚ THÍCH: Hồ sơ có thể được lưu trữ dưới dạng điện tử.

4.2.2.2 Tổ chức chứng nhận phải giám sát hằng năm việc thực hiện của các đánh giá viên quản lý rừng bền vững, áp dụng các phương pháp như xem xét báo cáo đánh giá hoặc phản hồi của khách hàng, v.v, dựa trên tần suất họ thực hiện các cuộc đánh giá và mức độ rủi ro liên quan đến các hoạt động của họ.

4.2.2.3 Trong khuôn khổ hoạt động giám sát, tổ chức chứng nhận phải thực hiện việc quan sát đánh giá đối với từng đánh giá viên quản lý rừng ít nhất mỗi năm năm một lần.

4.2.2.4 Tổ chức chứng nhận phải duy trì thông tin dạng văn bản về kết quả thực hiện của các đánh giá viên quản lý rừng bền vững.

4.2.2.5 Tổ chức chứng nhận phải sử dụng kết quả giám sát việc thực hiện của đánh giá viên và các quan sát đánh giá để xác định nhu cầu đào tạo.

Bảng 1 - Tổng quan các yêu cầu về công nhận đủ năng lực đối với đánh giá viên, thẩm xét viên và người ra quyết định

Các yêu cầu	Đánh giá viên	Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận
I. Đào tạo và kinh nghiệm		

Các yêu cầu	Đánh giá viên	Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận
Trình độ học vấn	Kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương). Các khóa đào tạo chính thức liên quan đến lâm nghiệp. Trình độ học vấn chuyên ngành lâm nghiệp cụ thể có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ học vấn yêu cầu.	
Kinh nghiệm làm việc	Tối thiểu ba năm kinh nghiệm làm việc chuyên môn toàn thời gian trong lĩnh vực liên quan (ví dụ: lâm nghiệp, cây ngoài rừng, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên). Có thể được giảm một năm nếu đánh giá viên đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực lâm nghiệp, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên.	Kinh nghiệm phù hợp theo các cuộc đánh giá được xem xét. Tối thiểu ba năm kinh nghiệm làm việc toàn thời gian trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp. Có thể được giảm một năm nếu thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực liên quan (ví dụ: lâm nghiệp, cây ngoài rừng, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên). Một đánh giá viên được công nhận đủ năng lực đánh giá quản lý rừng bền vững theo VFCS được coi là đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kinh nghiệm làm việc của thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận.
Đào tạo	Đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức trước khi bắt đầu các hoạt động đánh giá. ISO/IEC 19011.	
Kinh nghiệm đánh giá	Đánh giá viên đã thực hiện, với tư cách đánh giá viên đang đào tạo, ít nhất 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương dưới sự hướng dẫn của một trưởng đoàn đánh giá đủ năng lực trong vòng một năm gần nhất.	Thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã tham gia với tư cách quan sát viên trong các cuộc đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương với thời lượng tối thiểu tám giờ. Hoạt động quan sát đánh giá phải bao gồm cuộc họp khai mạc, một phần đánh giá tại văn phòng, một phần đánh giá hiện trường và cuộc họp kết thúc.
Năng lực	Xem 4.2.1.2.7.	Xem 4.2.1.4.7.
II. Duy trì công nhận đủ năng lực		
Đào tạo	Tham gia đào tạo cập nhật do VFCS tổ chức mỗi khi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC mà họ được công nhận đủ năng lực để thực hiện các hoạt động chứng nhận tương ứng, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành. Đào tạo cập nhật được hoàn thành trước khi thực hiện các hoạt động chứng nhận theo tiêu chuẩn đã được cập nhật.	
Kinh nghiệm đánh giá	Tối thiểu 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương mỗi năm.	Tham gia với tư cách quan sát viên trong các cuộc đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương với thời lượng tối thiểu 16 giờ

Các yêu cầu	Đánh giá viên	Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận
	Trong các trường hợp ngoại lệ như nghỉ theo chế độ pháp luật, ốm đau dài hạn hoặc không có cơ hội cung cấp dịch vụ chứng nhận, các đánh giá viên không thể tuân thủ yêu cầu 4.2.1.2.8.2.1 phải thực hiện 20 giờ đánh giá quản lý rừng dưới sự giám sát của một đánh giá viên đủ năng lực, hoặc được tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá chính thức về năng lực trước khi đánh giá viên quay lại thực hiện các hoạt động đánh giá (Trường hợp ngoại lệ được áp dụng với thời gian không thể tuân thủ yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 tối đa 24 tháng).	trong mỗi hai năm, bao gồm một phần đánh giá tại văn phòng, một phần đánh giá hiện trường và cuộc họp kết thúc.

CHÚ THÍCH: Bảng này nêu tóm tắt các yêu cầu về công nhận đủ năng lực đối với các đánh giá viên, thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận. Các yêu cầu cụ thể được quy định trong nội dung của tiêu chuẩn này.

4.3 Yêu cầu về thông tin

4.3.1 Công khai thông tin

4.3.1.1 Yêu cầu chung

Khi có yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho khách hàng và khách hàng tiềm năng thông tin chi tiết về cơ cấu phí và chi phí ước tính để đạt được và duy trì chứng nhận.

4.3.2 Tài liệu chứng nhận

4.3.2.1 Tài liệu chứng nhận

4.3.2.1.1 Chứng chỉ phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau:

- nhận dạng của tổ chức chứng nhận (bao gồm ít nhất tên đầy đủ, chữ viết tắt (nếu có), địa chỉ, thông tin liên hệ);
- tên và địa chỉ của khách hàng;
- mã chứng chỉ duy nhất;
- loại chứng chỉ (chứng chỉ đơn hoặc chứng chỉ theo nhóm);
- địa điểm và ngày cấp;
- ngày cấp chứng nhận, mở rộng hoặc gia hạn chứng nhận và ngày hết hạn hoặc ngày đến hạn đánh giá lại chứng nhận;
- logo và/hoặc chữ ký của bên cấp;
- phạm vi chứng nhận và tiêu chuẩn hoặc các tiêu chuẩn mà theo đó chứng nhận được cấp;
- dấu công nhận của tổ chức công nhận theo quy định gắn với số công nhận (bao gồm số công nhận khi áp dụng);
- logo VFCS và logo PEFC kèm theo số giấy phép sử dụng nhãn PEFC của tổ chức chứng nhận (kèm liên kết tới trang web PEFC và ghi chú nêu rõ rằng thông tin về VFCS được công bố công khai trên trang web PEFC); và
- ghi chú nêu rõ rằng thông tin cập nhật về diện tích thuộc phạm vi chứng chỉ và số lượng thành viên nhóm (đối với chứng chỉ rừng theo nhóm) có thể được kiểm tra trên cơ sở dữ liệu PEFC.

4.3.2.2 Ngày hiệu lực trên tài liệu chứng nhận không được sớm hơn ngày ra quyết định chứng nhận.

4.3.2.3 Mã chứng chỉ phải bao gồm bốn thành phần thông tin, mỗi thành phần được phân tách bằng

dấu gạch ngang, theo thứ tự sau: **AAA-VFCS-FM-#####(-#)**, trong đó:

- **AAA** là chữ viết tắt của tổ chức chứng nhận. “AAA” là chữ viết tắt viết hoa có độ dài biến đổi của tổ chức chứng nhận đã cấp chứng chỉ. Chỉ bao gồm các ký tự chữ cái tiếng Anh viết hoa (A–Z) và không có khoảng trắng. Có thể thêm “CC” là mã quốc gia ISO 3166 Alpha-2 (<https://www.iso.org/obp/ui/#search>) được sử dụng để phân biệt các văn phòng quốc gia của tổ chức chứng nhận với văn phòng trung tâm của họ. Mã “CC” của Việt Nam là “VN”.
- **VFCS** là chữ viết tắt của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.
- **FM**. Sử dụng đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững. Trường hợp sử dụng cho chứng nhận cây ngoài rừng, thay thế “FM” bằng “TOF”.
- **#####**: Mã số nhận dạng dạng số của chủ sở hữu chứng chỉ do tổ chức chứng nhận cấp.
- **(-#)** Tùy chọn, mã số nhận dạng dạng số của thành viên nhóm do tổ chức chứng nhận cấp, nếu có.

CHÚ THÍCH 1: Dấu ngoặc đơn () không được bao gồm trong số chứng chỉ, nó chỉ mang tính chỉ dẫn.

CHÚ THÍCH 2: Tổ chức chứng nhận có thể quyết định mã số nhận dạng dạng số về độ dài và các chữ số, cũng như mã số nhận dạng chứng nhận dạng số tùy chọn của các thành viên nhóm.

VÍ DỤ 1: XWZ-VFCS-FM-877506 (XWZ là chữ viết tắt giả định cho một tổ chức chứng nhận không tồn tại).

VÍ DỤ 2: XWZ-VFCS-TOF-877506 (XWZ là chữ viết tắt giả định cho một tổ chức chứng nhận không tồn tại).

4.3.3 Viện dẫn đến chứng nhận và sử dụng nhãn

4.3.3.1 Trường hợp tổ chức chứng nhận sử dụng nhãn PEFC trên tài liệu chứng nhận, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác liên quan đến VFCS, việc sử dụng chỉ được thực hiện trên cơ sở giấy phép hợp lệ do Hội đồng PEFC hoặc VFCS cấp, và phù hợp với PEFC ST 2001, Quy định về nhãn PEFC - Các yêu cầu.

4.3.3.2 Tổ chức chứng nhận phải thông báo cho khách hàng rằng nhãn PEFC trên chứng chỉ đã cấp chỉ đề cập đến việc khách hàng tuân thủ hệ thống chứng nhận VFCS và không trao cho khách hàng bất kỳ quyền nào để sử dụng các nhãn đó trừ khi khách hàng có giấy phép nhãn PEFC hợp lệ.

CHÚ THÍCH: Khách hàng có thể nhận giấy phép sử dụng nhãn PEFC từ Hội đồng PEFC hoặc VFCS.

4.3.4 Bảo mật

4.3.4.1 Tổ chức chứng nhận phải giới hạn việc thu thập dữ liệu cá nhân từ khách hàng ở mức cần thiết cho mục đích chứng nhận. Việc thu thập dữ liệu cá nhân phải luôn được thực hiện phù hợp với các quy định pháp luật.

CHÚ THÍCH: Một cách để thực hiện việc bảo mật là cung cấp thông tin chung như người liên hệ chung và địa chỉ thư điện tử chung thay vì thư điện tử cá nhân, ví dụ: quản lý chứng nhận, certificationmanager@xmail.com.

4.3.5 Trao đổi thông tin giữa tổ chức chứng nhận và VFCS và/hoặc Hội đồng PEFC

4.3.5.1 Tổ chức chứng nhận phải thông báo cho VFCS trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày chứng nhận được cấp, bị đình chỉ, chấm dứt, thu hồi, khi phạm vi chứng nhận thay đổi hoặc có bất kỳ thay đổi nào khác ảnh hưởng đến chứng nhận hoặc thông tin mà các tổ chức chứng nhận phải báo cáo cho PEFC.

4.3.5.2 Tổ chức chứng nhận phải thu thập và báo cáo thông tin theo yêu cầu của VFCS hoặc PEFC.

4.3.5.3 Tổ chức chứng nhận phải xác minh diện tích tính bằng hecta tại mỗi cuộc đánh giá và thông báo VFCS về bất kỳ thay đổi nào ít nhất hằng năm.

4.3.5.4 Khi có yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho VFCS và/hoặc PEFC bất kỳ thông tin nào liên quan đến quá trình chứng nhận và khách hàng, như báo cáo đánh giá đầy đủ hoặc thông tin về các sự không phù hợp chưa đóng, khi có quan ngại về rủi ro uy tín đối với PEFC.

4.3.6 Sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng

4.3.6.1 Yêu cầu chung

4.3.6.1.1 Trong quá trình đánh giá, tổ chức chứng nhận phải xác minh hiệu lực quy trình của khách hàng đối với việc tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng.

4.3.6.1.2 Trong quá trình đánh giá, tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các thông tin, nếu có, do các bên liên quan bị ảnh hưởng cung cấp.

CHÚ THÍCH: Quá trình này không thay thế thủ tục xử lý khiếu nại thông thường của khách hàng và của tổ chức chứng nhận.

4.3.6.2 Quá trình tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng

4.3.6.2.1 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình được lập thành thông tin dạng văn bản đối với việc tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng. Quy trình này phải bảo đảm rằng mọi hoạt động tham gia như vậy không gây ảnh hưởng bất lợi đến tính khách quan, tính độc lập và tính bảo mật liên quan đến hoạt động của tổ chức chứng nhận hoặc của khách hàng.

4.3.6.2.2 Quy trình của tổ chức chứng nhận đối với việc tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng phải bao gồm các bước sau:

- a) xác minh tính hiệu lực của việc nhận diện các bên liên quan do khách hàng thực hiện;
- b) bảo đảm việc khách hàng thực hiện thông báo công khai về cuộc đánh giá;
- c) trao đổi thông tin với các bên liên quan bị ảnh hưởng trong quá trình đánh giá, khi cần thiết;
- d) tóm tắt quá trình tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng trong báo cáo đánh giá tóm tắt.

4.3.6.3 Xác định các bên liên quan bị ảnh hưởng

4.3.6.3.1 Tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng cung cấp, trước khi tiến hành đánh giá:

- a) thông tin về việc khách hàng xác định các bên liên quan bị ảnh hưởng;
- b) các nhu cầu và mong đợi có liên quan của các bên liên quan này;

CHÚ THÍCH: Xác định nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan bị ảnh hưởng được quy định tại tiêu chuẩn quản lý rừng theo VFCS/PEFC.

- c) cách thức các nhu cầu và mong đợi này được xem xét trong hoạt động quản lý rừng.

4.3.6.3.2 Tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các thông tin này khi lập kế hoạch đánh giá.

4.3.6.4 Thông báo công khai về cuộc đánh giá

4.3.6.4.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thời gian thực hiện cuộc đánh giá lần đầu hoặc đánh giá tái chứng nhận được công bố công khai tới các bên liên quan bị ảnh hưởng ít nhất 30 ngày trước khi tiến hành đánh giá.

4.3.6.4.2 Việc thông báo có thể được thực hiện bởi khách hàng hoặc bởi chính tổ chức chứng nhận.

4.3.6.4.3 Thông báo phải nêu rõ rằng trong quá trình đánh giá, các đánh giá viên sẽ đánh giá việc khách hàng thực hiện trao đổi, tham vấn với các bên liên quan bị ảnh hưởng và phải yêu cầu khách hàng thu thập các ý kiến bày tỏ quan tâm bằng văn bản từ các bên liên quan bị ảnh hưởng.

4.3.6.5 Trao đổi thông tin với các bên liên quan bị ảnh hưởng trong quá trình đánh giá

4.3.6.5.1 Tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các ý kiến phản hồi đã nhận được và đánh giá mức độ liên quan của các ý kiến này đối với việc đánh giá các yêu cầu chứng nhận. Tổ chức chứng nhận phải tham vấn với các bên liên quan bị ảnh hưởng như một phần của quá trình đánh giá, tương xứng với các ý kiến phản hồi đã nhận được và với các yêu cầu của tiêu chuẩn.

4.3.6.5.2 Tổ chức chứng nhận phải áp dụng các phương thức tham vấn hiệu quả và phù hợp với văn hóa đối với các bên liên quan bị ảnh hưởng.

4.3.6.5.3 Kế hoạch đánh giá nên phân bổ đủ thời gian cho việc tham vấn, trao đổi với các bên liên quan bị ảnh hưởng.

4.3.6.6 Tóm tắt quá trình tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng trong báo cáo đánh giá tóm tắt

4.3.6.6.1 Báo cáo đánh giá tóm tắt phải mô tả quá trình tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng.

hưởng, bao gồm cách thức các ý kiến của các bên liên quan bị ảnh hưởng đã được xem xét và các vấn đề được nêu trong quá trình này.

4.3.6.6.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng báo cáo đánh giá tóm tắt không bao gồm bất kỳ thông tin mật nào do các bên liên quan bị ảnh hưởng cung cấp.

4.4 Yêu cầu đối với quá trình đánh giá

4.4.1 Các hoạt động trước chứng nhận

4.4.1.1 Đăng ký chứng nhận

Tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng đăng ký chứng nhận cung cấp các thông tin sau đây như một phần của đơn đăng ký chứng nhận:

- a) Tên và địa chỉ của khách hàng đăng ký chứng nhận, pháp nhân (nếu áp dụng) và tình trạng pháp lý (bao gồm đăng ký kinh doanh hợp pháp);
- b) Xác định hình thức là chứng chỉ rừng đơn hoặc chứng chỉ rừng theo nhóm;
- c) Diện tích đề xuất chứng nhận;
- d) Mô tả ngắn gọn về khu rừng đề xuất chứng nhận và hoạt động quản lý rừng tương ứng;
- e) Tóm tắt các cơ sở kỹ thuật hoặc nguồn lực liên quan (ví dụ: kho lưu trữ hóa chất, bãi tập kết, cơ sở bảo dưỡng, cơ sở phòng cháy chữa cháy, văn phòng hành chính, v.v.);
- f) Mọi thông tin liên quan để đánh giá trong trường hợp chuyển giao chứng nhận thay vì đăng ký chứng nhận mới;
- g) Tuyên bố về việc khách hàng đăng ký chứng nhận hoặc pháp nhân tiền nhiệm đã tham gia hệ thống VFCS/PEFC hoặc hệ thống chứng nhận khác phục vụ mục đích quản lý rừng trong vòng năm năm gần nhất. Nội dung này phải bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt chứng nhận trong năm năm gần nhất; các điểm không phù hợp đã được xác định; quyết định chứng nhận; căn cứ đưa ra quyết định; các hành động khắc phục đã được thực hiện (nếu có) và kết quả giải quyết tương ứng;
- h) Tên của chuyên gia tư vấn được thuê để hỗ trợ triển khai chứng nhận VFCS/PEFC, nếu có.

CHÚ THÍCH 1: Thông tin này không nhất thiết phải được thu thập ngay tại lần liên hệ đầu tiên với khách hàng đăng ký chứng nhận, nhưng tối thiểu phải được cung cấp trước khi tiến hành xem xét đơn đăng ký chứng nhận.

CHÚ THÍCH 2: Tổ chức chứng nhận có thể yêu cầu cung cấp thêm thông tin bổ sung.

4.4.1.2 Xem xét đăng ký chứng nhận

4.4.1.2.1 Tổ chức chứng nhận chỉ được xem xét đơn đăng ký chứng nhận khi toàn bộ các thông tin quy định tại 4.4.1.1 đã được cung cấp.

CHÚ THÍCH: Các điều khoản 4.4.1.2.13, 4.4.1.2.14 và 4.4.1.2.15 quy định các yêu cầu mà tổ chức chứng nhận phải tuân thủ trong trường hợp đơn đăng ký là việc chuyển giao một chứng chỉ hiện có từ một tổ chức chứng nhận sang tổ chức chứng nhận khác, thay vì là một đơn đăng ký mới.

4.4.1.2.2 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình được lập thành thông tin dạng văn bản đối với việc xem xét đơn đăng ký chứng nhận.

4.4.1.2.3 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng việc xem xét đơn đăng ký chứng nhận xác định và đánh giá mức độ phức tạp và quy mô của các hoạt động quản lý rừng thuộc phạm vi chứng nhận.

4.4.1.2.4 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình được lập thành thông tin dạng văn bản nhằm bảo đảm rằng tổ chức chứng nhận có năng lực và khả năng để cung cấp dịch vụ chứng nhận cho khách hàng đăng ký chứng nhận.

4.4.1.2.5 Tổ chức chứng nhận phải duy trì hồ sơ về cơ sở biện minh cho quyết định chấp nhận đơn đăng ký chứng nhận.

4.4.1.2.6 Tổ chức chứng nhận phải từ chối cung cấp dịch vụ chứng nhận nếu không có đủ năng lực hoặc khả năng để thực hiện.

4.4.1.2.7 Trước khi chấp nhận đơn đăng ký chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải xác định các tiêu chí chấp nhận khách hàng đăng ký chứng nhận.

4.4.1.2.8 Các tiêu chí chấp nhận phải xác định mọi sự tham gia hiện tại hoặc trong quá khứ của khách hàng đăng ký chứng nhận, hoặc của pháp nhân tiền nhiệm, liên quan đến hành vi tham nhũng.

4.4.1.2.9 Tổ chức chứng nhận phải đánh giá khách hàng đăng ký chứng nhận theo các tiêu chí đã thiết lập, bao gồm cả pháp nhân tiền nhiệm khi có liên quan, và lưu giữ hồ sơ về kết quả đánh giá. Việc đánh giá phải xác định tính phù hợp của khách hàng đăng ký chứng nhận đối với chứng nhận trước khi được chấp nhận.

4.4.1.2.10 Tổ chức chứng nhận phải từ chối đơn đăng ký chứng nhận trong trường hợp có bằng chứng về việc khách hàng đăng ký chứng nhận đang tham gia vào các hành vi tham nhũng.

4.4.1.2.11 Trong trường hợp có sự tham gia trong quá khứ vào các hành vi tham nhũng, tổ chức chứng nhận không được chấp nhận đơn đăng ký chứng nhận, trừ khi có bằng chứng cho thấy hành vi tham nhũng đó đã chấm dứt và khách hàng đăng ký chứng nhận hoặc pháp nhân tiền nhiệm của khách hàng không thuộc đối tượng của bất kỳ cuộc điều tra và/hoặc biện pháp xử lý đang diễn ra nào.

4.4.1.2.12 Tổ chức chứng nhận phải đánh giá các thông tin do khách hàng đăng ký chứng nhận cung cấp liên quan đến việc tham gia vào chứng nhận rừng của khách hàng hoặc của pháp nhân tiền nhiệm trong hệ thống VFCS/PEFC hoặc trong hệ thống chứng nhận khác. Trường hợp việc tham gia VFCS/PEFC hoặc hệ thống chứng nhận khác đã bị đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt, tổ chức chứng nhận phải điều tra mức độ cam kết và năng lực của khách hàng đăng ký chứng nhận trong việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận VFCS/PEFC. Nếu kết quả điều tra cho thấy khách hàng đăng ký chứng nhận không có khả năng tuân thủ hoặc có khả năng cao không tuân thủ, đơn đăng ký chứng nhận không được tiếp tục xử lý cho đến khi khách hàng đăng ký chứng nhận chứng minh được năng lực và cam kết tuân thủ các yêu cầu.

4.4.1.2.13 Khi tổ chức chứng nhận xác định rằng đơn đăng ký chứng nhận được xử lý như trường hợp chuyển giao một chứng chỉ hiện có do một tổ chức chứng nhận được công nhận khác cấp, tổ chức chứng nhận phải thực hiện theo IAF MD 2 và VFCS/PEFC GD 1011:2024.

4.4.1.2.14 Trong trường hợp chuyển giao chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng mọi sự không phù hợp nặng đang tồn tại đã được khắc phục xong trước khi chấp nhận việc chuyển giao chứng chỉ.

4.4.1.2.15 Việc chuyển giao chứng nhận chỉ được thực hiện khi tổ chức chứng nhận tiếp nhận được VFCS chỉ định và theo cùng tiêu chuẩn công nhận.

4.4.1.2.16 Tổ chức chứng nhận phải truyền đạt bằng văn bản cho khách hàng đăng ký chứng nhận kết quả xem xét đơn đăng ký chứng nhận. Trường hợp đơn đăng ký chứng nhận bị từ chối, tổ chức chứng nhận phải cung cấp bằng văn bản căn cứ của việc từ chối cho khách hàng đăng ký chứng nhận.

4.4.1.3 Chương trình đánh giá

4.4.1.3.1 Tổ chức chứng nhận phải xây dựng chương trình đánh giá bao trùm ít nhất một chu kỳ chứng nhận. Chương trình đánh giá phải được duy trì dưới dạng thông tin dạng văn bản.

4.4.1.3.2 Tổ chức chứng nhận phải xác nhận chương trình đánh giá với khách hàng. Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng khách hàng đồng ý với phương thức tiến hành đánh giá và lịch trình đánh giá.

4.4.1.3.3 Chu kỳ chứng nhận không được vượt quá năm năm.

4.4.1.3.4 Khi xây dựng chương trình đánh giá, tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các thông tin và kết quả của việc xem xét đơn đăng ký chứng nhận cũng như thông tin từ các cuộc đánh giá trước đó, khi áp dụng.

CHÚ THÍCH: Hướng dẫn xây dựng chương trình đánh giá được quy định tại điều khoản 5 của ISO 19011.

4.4.1.3.5 Tổ chức chứng nhận phải xác định các hoạt động mang tính thời vụ và bảo đảm rằng các hoạt động này được bao quát trong chương trình đánh giá năm năm.

VÍ DỤ: Các hoạt động mang tính thời vụ bao gồm, ví dụ như, chuẩn bị hiện trường trồng rừng, trồng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, khai thác rừng.

4.4.1.3.6 Tổ chức chứng nhận phải bao gồm trong mỗi cuộc đánh giá (đánh giá giám sát, đánh giá lần đầu và đánh giá tái chứng nhận) việc đánh giá các yêu cầu liên quan đến các nội dung sau đây, khi phù hợp:

- a) chuyển đổi rừng và các yêu cầu liên quan đến rừng suy thoái;
- b) duy trì, bảo tồn hoặc nâng cao đa dạng sinh học và khu vực có trữ lượng các-bon cao có ý nghĩa quan trọng;
- c) các yêu cầu liên quan đến các khu rừng có tầm quan trọng sinh thái;
- d) tuân thủ các công ước cơ bản của ILO;
- e) các nghĩa vụ tuân thủ pháp luật;
- f) quyền của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, các quyền theo tập quán và truyền thống liên quan đến đất rừng;
- g) sức khỏe, an toàn và điều kiện làm việc.

4.4.1.3.7 Trong trường hợp tổ chức chứng nhận cân nhắc rằng các ý kiến phản hồi là cần thiết để đánh giá việc khách hàng tuân thủ các yêu cầu chứng nhận có thể ảnh hưởng đến các bên liên quan bị ảnh hưởng, như các yêu cầu liên quan đến quyền con người, cộng đồng địa phương, các quyền theo tập quán và truyền thống liên quan đến đất rừng, sức khỏe, an toàn và điều kiện làm việc hoặc các yêu cầu khác, tổ chức chứng nhận phải thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bị ảnh hưởng.

4.4.1.4 Tiếp cận dựa trên rủi ro

4.4.1.4.1 Tổ chức chứng nhận phải xác định và lập thành thông tin dạng văn bản hồ sơ rủi ro liên quan đến từng khách hàng.

4.4.1.4.2 Tổ chức chứng nhận phải định kỳ xem xét hồ sơ rủi ro và điều chỉnh chương trình đánh giá cũng như kế hoạch đánh giá tương ứng.

4.4.1.4.3 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng chương trình đánh giá và kế hoạch đánh giá đối với từng khách hàng được xây dựng có cân nhắc đến hồ sơ rủi ro của khách hàng.

4.4.1.4.4. Tổ chức chứng nhận phải xem xét tối thiểu các chỉ số rủi ro sau đây khi thực hiện đánh giá rủi ro:

- a) Quy mô và mức độ phức tạp của phạm vi chứng nhận (ví dụ: diện tích được chứng nhận, số lượng đơn vị quản lý rừng (FMU), số lượng thành viên nhóm, phạm vi phân bố địa lý);
- b) Loại rừng và các hoạt động quản lý rừng (ví dụ: rừng tự nhiên, rừng trồng, cây ngoài rừng (TOF), khai thác, trồng rừng, chăm sóc rừng, vườn ươm,...);
- c) Tình trạng pháp lý và quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng (ví dụ: bằng chứng quyền sử dụng đất, tranh chấp đất đai, chồng lấn ranh giới);
- d) Giá trị môi trường và đa dạng sinh học (ví dụ: rừng có tầm sinh thái quan trọng, bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn gen, các loài nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ, chuyển đổi rừng và suy thoái rừng);
- e) Các vấn đề về xã hội và lao động (ví dụ: FPIC, khiếu nại, quyền của cộng đồng địa phương, quyền của người lao động, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp);
- f) Kết quả của các lần đánh giá trước (ví dụ: các điểm không phù hợp, khiếu nại, hành động khắc phục, các thay đổi đối với hệ thống quản lý);
- g) Năng lực và hiệu lực của hệ thống quản lý (ví dụ: kinh nghiệm của chủ rừng hoặc tổ chức quản lý nhóm, hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, việc sử dụng nhà thầu);
- h) Đối với chứng nhận rừng theo nhóm: số lượng thành viên nhóm, tỷ lệ thành viên mới, mức độ đồng nhất của nhóm, kết quả đánh giá nội bộ và tỷ lệ thành viên có điểm không phù hợp.

CHÚ THÍCH 1: Hồ sơ rủi ro sẽ hỗ trợ việc xác định thời lượng của đánh giá lần đầu và đánh giá Giai đoạn 2 (đánh giá chứng nhận), cũng như việc xây dựng chương trình đánh giá và kế hoạch đánh giá, bao gồm đánh giá giám sát và đánh giá tái chứng nhận.

CHÚ THÍCH 2: Thông tin hướng dẫn về cách thức thực hiện đánh giá rủi ro được nêu trong ISO 31000.

4.4.1.5 Xác định thời lượng đánh giá

4.4.1.5.1 Tổ chức chứng nhận phải thủ tục dạng văn bản quy định xác định và tính toán thời lượng đánh giá, trong đó phải xem xét các tiêu chí sau:

- a) yêu cầu về thời lượng đánh giá theo IAF MD5 đối với đánh giá hệ thống quản lý môi trường, có xem xét rằng đánh giá quản lý rừng bền vững có mức độ phức tạp cao hơn đánh giá hệ thống quản lý môi trường.
- b) yêu cầu lấy mẫu đối với chứng chỉ đa địa điểm: số lượng địa điểm thuộc phạm vi chứng chỉ và các yêu cầu lấy mẫu theo IAF MD1.
- c) diện tích thuộc phạm vi chứng chỉ và các thay đổi đối với diện tích được chứng nhận;
- d) loại rừng, vị trí, biện pháp lâm sinh và điều kiện địa lý;
- e) số lượng thành viên nhóm, quy mô và cấu trúc nhóm;
- f) số lượng nhân sự toàn thời gian tương đương (bao gồm nhà thầu và nhà thầu phụ);
- g) số lượng lao động (bao gồm nhà thầu và nhà thầu phụ);
- h) số lượng và vị trí của các văn phòng, kho bãi, xưởng, cơ sở phục vụ khách tham quan, tháp canh phòng cháy và/hoặc các hạ tầng khác có vai trò thiết yếu đối với quản lý rừng;
- i) việc thuê ngoài đối với bất kỳ hoạt động nào thuộc phạm vi của tiêu chuẩn quản lý rừng;
- j) các hoạt động mang tính mùa vụ;
- k) các vấn đề khác như hệ thống đường và điều kiện giao thông xung quanh khu vực rừng, việc bán sản phẩm từ rừng, nếu có áp dụng.;
- l) hệ thống quản lý, bao gồm quy trình giải quyết khiếu nại, hiệu lực của hoạt động giám sát nội bộ, đánh giá nội bộ và quá trình xem xét của khách hàng;
- m) kết quả của các cuộc đánh giá trước đó, bao gồm cả các cuộc đánh giá đối với hệ thống quản lý của khách hàng;
- n) các rủi ro và kết quả từ đánh giá rủi ro theo 4.4.1.4;
- o) tọa độ địa lý của đơn vị quản lý rừng và khả năng kiểm tra bằng các công cụ viễn thám để xác định rủi ro mất rừng hoặc suy thoái rừng trong khu vực.

4.4.1.5.2 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình để tính toán thời lượng đánh giá theo quy định của VFCS/PEFC.

4.4.1.5.3 Tổ chức chứng nhận phải xác định thời lượng đánh giá, và cơ sở cho việc xác định này phải được duy trì dưới dạng thông tin dạng văn bản.

4.4.1.6 Lấy mẫu

4.4.1.6.1 Tổ chức chứng nhận phải xây dựng kế hoạch lấy mẫu có cân nhắc kết quả đánh giá rủi ro.

4.4.2 Lập kế hoạch đánh giá

4.4.2.1 Xác định mục tiêu, phạm vi và tiêu chí đánh giá

4.4.2.1.1 Tổ chức chứng nhận phải xác định rõ phạm vi, mức độ và ranh giới của cuộc đánh giá, như các thành viên nhóm, các đơn vị của tổ chức, các hoạt động và các quá trình sẽ được đánh giá.

4.4.2.1.2 Tổ chức chứng nhận phải lập kế hoạch về các công cụ và kỹ thuật đánh giá sẽ được sử dụng trong quá trình đánh giá. Việc sử dụng các công cụ và kỹ thuật này phải được xác định rõ cho mục đích nào và các yêu cầu nào được bao phủ bởi công cụ và kỹ thuật tương ứng, nếu có áp dụng.

4.4.2.1.3 Tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các tiêu chí sau khi xác định phạm vi:

- a) Tính đại diện: Các hoạt động và quá trình của khách hàng phải được xem xét theo cách ngẫu nhiên nhưng bảo đảm tính đại diện. Tổ chức chứng nhận phải xác định các quá trình mà mình cho là quan trọng cần được đánh giá. Hiệu quả của các quá trình này phải được phản ánh trong báo cáo đánh giá.
- b) Bảo vệ: Các khu vực có tác động lớn đến việc đạt được các mục tiêu của tiêu chuẩn quản lý rừng và các khu rừng có tầm quan trọng sinh thái đã được xác định phải được xem xét.
- c) Khắc phục: Các khu vực có rủi ro cao và các khu vực đã được xác định có sự không phù hợp trước đó phải được xem xét.
- d) Phòng ngừa: Các khu vực sẽ được đánh giá phải được tổ chức chứng nhận xác định sau khi thực hiện đánh giá rủi ro.

4.4.2.2 Kế hoạch đánh giá

4.4.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải có các quy trình được lập thành thông tin dạng văn bản để thiết lập kế hoạch đánh giá dựa trên rủi ro cho từng cuộc đánh giá và từng thành viên nhóm được lựa chọn. Kế hoạch đánh giá phải cung cấp cơ sở để thực hiện và lập lịch các hoạt động đánh giá.

4.4.2.2.2 Tổ chức chứng nhận phải cân nhắc các khiếu nại hiện có và các quan ngại có căn cứ khi lập kế hoạch đánh giá.

4.4.2.2.3 Kế hoạch đánh giá, bao gồm các ngày đánh giá, phải được truyền đạt trước ít nhất mười ngày và được thống nhất với khách hàng.

CHÚ THÍCH: Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch đánh giá được nêu trong 6.3.2 ISO 19011:2018.

4.4.2.2.4 Tổ chức chứng nhận phải xác định thời hạn để gửi báo cáo đánh giá cho khách hàng nhằm xác nhận các phát hiện đánh giá.

CHÚ THÍCH: Tổ chức chứng nhận có thể kéo dài thời hạn gửi báo cáo đánh giá trong trường hợp cần thêm thời gian để đánh giá đầy đủ các thông tin thu thập được trong quá trình đánh giá. Với các trường hợp đó, tổ chức chứng nhận phải thông báo cho khách hàng và cung cấp giải thích bằng văn bản cho việc kéo dài này. Tổ chức chứng nhận phải nêu rõ các thay đổi như vậy trong báo cáo đánh giá tóm tắt.

4.4.3 Chứng nhận lần đầu

4.4.3.1 Giai đoạn 1

4.4.3.1.1 Đánh giá giai đoạn 1 có chức năng xem xét tài liệu và đánh giá “mức độ sẵn sàng”. Phạm vi của đánh giá giai đoạn 1 phải bao gồm ít nhất các nội dung sau:

- a) Xác nhận phạm vi và mục tiêu của cuộc đánh giá chứng nhận;
- b) Xác nhận các thành viên nhóm, địa điểm và các hoạt động thuộc phạm vi của hệ thống quản lý rừng bền vững;
- c) Đánh giá tài liệu quản lý rừng của khách hàng;
- d) Đánh giá các điều kiện đặc thù của từng khu vực quản lý rừng, nếu có áp dụng;
- e) Đánh giá các quy trình đánh giá nội bộ và tính toàn vẹn hệ thống quản lý của khách hàng, cũng như hiệu quả của việc thực hiện các quy trình đó;
- f) Xác định sự phù hợp của các quy trình của khách hàng đối với việc sử dụng nhãn VFCS/PEFC, nếu có áp dụng;
- g) Đánh giá việc khách hàng xác định các bên liên quan bị ảnh hưởng, nhu cầu và mong đợi của họ, và cách các yếu tố này được xem xét trong quản lý rừng; đồng thời cân nhắc các phản hồi nhận được từ các bên liên quan bị ảnh hưởng trong quá trình thông báo công khai về cuộc đánh giá và đánh giá mức độ liên quan của các phản hồi đó;
- h) Xác định các rủi ro cần được xem xét trong đánh giá giai đoạn 2;
- i) Hoàn thiện kế hoạch đánh giá cho đánh giá giai đoạn 2.

4.4.3.1.2 Đánh giá giai đoạn 1 có thể được thực hiện từ xa bằng ICT theo 4.4.4.3.

4.4.3.2 Giai đoạn 2

4.4.3.2.1 Tổ chức chứng nhận phải đánh giá việc khách hàng thực hiện các yêu cầu của hệ thống, bao gồm hệ thống quản lý rừng, các quá trình và các quy trình của họ. Đánh giá giai đoạn 2 phải bao gồm đánh giá hiện trường tại rừng đối với các hoạt động quản lý rừng của khách hàng. Khi phù hợp, tổ chức chứng nhận có thể thực hiện một số phần của đánh giá giai đoạn 2 từ xa bằng ICT theo 4.4.4.3.

CHÚ THÍCH: Ví dụ về các nội dung trong kế hoạch đánh giá có thể sử dụng ICT gồm phỏng vấn người lao động và xem xét thông tin ở dạng điện tử.

4.4.3.2.2 Kế hoạch đánh giá cho giai đoạn 2 phải được điều chỉnh trên cơ sở các quan ngại có căn cứ và các phát hiện từ việc xem xét được thực hiện trong đánh giá giai đoạn 1.

4.4.4 Thực hiện đánh giá

4.4.4.1 Hợp khai mạc

Trong trường hợp một số hoặc toàn bộ nội dung của cuộc đánh giá được thực hiện từ xa, tổ chức chứng nhận có thể tiến hành cuộc họp khai mạc từ xa bằng ICT theo IAF MD 4:2025 và các yêu cầu khác được quy định trong tiêu chuẩn này.

4.4.4.2 Hợp kết thúc

4.4.4.2.1 Trường đoàn đánh giá phải tiến hành cuộc họp kết thúc với bộ phận quản lý chứng nhận và lãnh đạo cấp cao của khách hàng để trình bày các phát hiện đánh giá và mọi khuyến nghị liên quan đến việc duy trì chứng nhận. Danh sách những người tham dự cuộc họp này phải được ghi lại.

4.4.4.2.2 Trường đoàn đánh giá phải bảo đảm rằng khách hàng hiểu các kết luận và đặc biệt là tất cả các sự không phù hợp được phát hiện.

4.4.4.2.3 Trong trường hợp một số hoặc toàn bộ nội dung của cuộc đánh giá được thực hiện từ xa, tổ chức chứng nhận có thể tiến hành cuộc họp kết thúc chính thức từ xa bằng ICT theo IAF MD 4:2025 và các yêu cầu khác được quy định trong tiêu chuẩn này.

4.4.4.3 Đánh giá từ xa

4.4.4.3.1 Tổ chức chứng nhận có thể sử dụng, khi phù hợp, các phương pháp ICT để thực hiện đánh giá từ xa đối với:

- a) Giai đoạn 1 của đánh giá chứng nhận lần đầu;
- b) các nội dung của đánh giá giám sát hoặc toàn bộ đánh giá giám sát;
- c) đánh giá đặc biệt;
- d) các phần không phải đánh giá hiện trường của đánh giá giai đoạn 2 trong chứng nhận lần đầu;
- e) các phần không phải đánh giá hiện trường của đánh giá tái chứng nhận;

VÍ DỤ: Các phần không phải đánh giá hiện trường của đánh giá giai đoạn 2 trong đánh giá lần đầu hoặc đánh giá tái chứng nhận bao gồm cuộc họp kết thúc, việc đóng các sự không phù hợp hoặc các công việc hành chính.

4.4.4.3.2 Đánh giá có thể sử dụng các phương pháp ICT ngoài yêu cầu tại 4.4.4.3.1 trong trường hợp các hoàn cảnh đặc biệt không cho phép đánh giá viên thực hiện chuyến đánh giá thực địa.

CHÚ THÍCH: Hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các hạn chế do quy định quốc gia hoặc địa phương, hoặc rủi ro về sức khỏe.

4.4.4.3.3 Tổ chức chứng nhận phải có các quy trình được lập thành thông tin dạng văn bản để thực hiện đánh giá từ xa hoặc thực hiện một phần cuộc đánh giá từ xa bằng ICT, bao gồm tối thiểu:

- a) các tiêu chí và chỉ số đánh giá sự phù hợp của việc sử dụng ICT;
- b) các rủi ro liên quan đến việc sử dụng ICT và cách các rủi ro này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của đánh giá;
- c) công nghệ sẵn có và cách thức công nghệ đó sẽ được sử dụng;

- d) các tiêu chí đủ điều kiện của khách hàng (ví dụ: khả năng truy cập các tệp điện tử, quyền truy cập vào hệ thống quản lý được lập thành thông tin dạng văn bản);
- e) năng lực của khách hàng.

4.4.4.3.4 Tổ chức chứng nhận phải thực hiện đánh giá các rủi ro và cơ hội liên quan đến việc sử dụng ICT và cơ sở cho việc sử dụng ICT. Tổ chức chứng nhận phải duy trì thông tin dạng văn bản về việc đánh giá này.

4.4.4.3.5 Các quá trình chứng nhận có thể sử dụng ICT khi:

- a) Việc sử dụng ICT có thể nâng cao hiệu quả và/hoặc hiệu suất của cuộc đánh giá trong khi vẫn duy trì tính toàn vẹn của quá trình đánh giá.
- b) Tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng các kỹ thuật đánh giá được sử dụng mang lại mức độ tin cậy đầy đủ đối với việc khách hàng tuân thủ các tiêu chí chứng nhận.
- c) Kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận theo 4.4.4.3.4, phù hợp với quy trình thực hiện đánh giá từ xa theo 4.4.4.3.3, cho thấy rủi ro ở mức thấp khi thực hiện toàn bộ hoặc một phần cuộc đánh giá từ xa.
- d) Khách hàng có hệ thống quản lý được kiểm soát tập trung có thể truy cập từ xa và cung cấp cho tổ chức chứng nhận các hồ sơ cần thiết để thực hiện toàn bộ hoặc một phần cuộc đánh giá từ xa.

4.4.4.3.6 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng các đánh giá viên sử dụng ICT đã được đào tạo phù hợp và được xác định có đủ năng lực để sử dụng ICT.

4.4.4.3.7 Tổ chức chứng nhận phải có sự xác nhận chấp thuận từ khách hàng trước khi sử dụng ICT trong quá trình đánh giá.

4.4.4.3.8 Trước khi tiến hành đánh giá, tổ chức chứng nhận phải xác định ICT sẽ được sử dụng và bảo đảm hiệu suất và hiệu quả của ICT thông qua việc thử nghiệm và các biện pháp phù hợp khác.

4.4.4.4 Báo cáo đánh giá tóm tắt

4.4.4.4.1 Ngoài báo cáo đánh giá, tổ chức chứng nhận phải chuẩn bị một bản tóm tắt của báo cáo đánh giá.

4.4.4.4.2 Báo cáo đánh giá tóm tắt phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau:

- a) Tên và mô tả của tổ chức chứng nhận, tên và mô tả của khách hàng, và ngày của báo cáo;
- b) Diện tích rừng (theo ha) tại thời điểm đánh giá;
- c) Mô tả khu vực được chứng nhận;
- d) Phạm vi, mục tiêu và quá trình đánh giá, bao gồm tiêu chuẩn và các tiêu chí chứng nhận được áp dụng, tóm tắt đánh giá rủi ro và, nếu sử dụng công nghệ từ xa, công nghệ được sử dụng và cơ sở cho việc sử dụng đó;
- e) Tóm tắt kế hoạch đánh giá, bao gồm các ngày đánh giá, quá trình tham gia của các bên liên quan, các địa điểm và hoạt động được đánh giá, thời lượng đánh giá (phân chia theo tỷ lệ thời gian thực hiện tại hiện trường và từ xa – nếu có liên quan) và số lượng thành viên trong đoàn đánh giá, cùng với trình độ và kinh nghiệm của họ;
- f) Kết quả đánh giá:
 - i. tóm tắt các phát hiện chứng minh sự phù hợp hoặc sự không phù hợp;
 - ii. mô tả ngắn gọn về mọi sự không phù hợp nặng và việc xác nhận hiệu quả của các hành động khắc phục được thực hiện ;
 - iii. mô tả ngắn gọn về các sự không phù hợp nhẹ;
 - iv. đánh giá hiệu quả của các hành động được thực hiện để khắc phục bất kỳ sự không phù hợp nhẹ nào trong các báo cáo đánh giá trước đó;
 - v. khuyến nghị về quyết định chứng nhận.

4.4.4.4.3 Báo cáo đánh giá tóm tắt không được bao gồm dữ liệu mật.

4.4.4.4.4 Tổ chức chứng nhận phải cung cấp một bản sao của báo cáo đánh giá tóm tắt cho khách hàng và VFCS.

4.4.4.4.5 Theo yêu cầu của khách hàng hoặc VFCS, tổ chức chứng nhận phải cung cấp một bản sao báo cáo đánh giá tóm tắt bằng tiếng Anh.

4.4.4.4.6 Báo cáo đánh giá tóm tắt phải được công bố công khai trên cơ sở dữ liệu PEFC, được truy cập công khai thông qua trang web của PEFC.

4.4.4.5 Phân tích nguyên nhân của sự không phù hợp

4.4.4.5.1 Tổ chức chứng nhận phải phân loại các sự không phù hợp được xác định trong quá trình đánh giá thành sự không phù hợp nặng và sự không phù hợp nhẹ.

4.4.4.5.2 Tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng:

- a) xác định nguyên nhân gốc của sự không phù hợp;
- b) xây dựng kế hoạch hành động khắc phục để xử lý nguyên nhân đã được xác định;
- c) quy định thời hạn hoàn thành; và
- d) phân công trách nhiệm thực hiện kế hoạch hành động khắc phục.

4.4.4.5.3 Trước khi kế hoạch hành động khắc phục được thực hiện, tổ chức chứng nhận phải đánh giá kế hoạch hành động do khách hàng cung cấp, bao gồm thời hạn thực hiện và nhân sự chịu trách nhiệm. Là một phần của việc đánh giá, tổ chức chứng nhận phải xác nhận rằng kế hoạch hành động khắc phục đầy đủ các sự không phù hợp.

4.4.4.5.4 Khi kế hoạch hành động khắc phục không được chấp nhận, tổ chức chứng nhận phải giải thích lý do và cho phép khách hàng xem xét lại và nộp lại kế hoạch hành động.

4.4.4.6 Hiệu quả của các khắc phục và hành động khắc phục

4.4.4.6.1 Tổ chức chứng nhận phải đánh giá hiệu quả của (các) hành động khắc phục đối với tất cả các sự không phù hợp được xác định trong quá trình đánh giá trước khi đóng các sự không phù hợp.

4.4.4.6.2 Tổ chức chứng nhận phải xác nhận các sự không phù hợp nặng tại hiện trường, trừ khi việc xác nhận có thể thực hiện được mà không cần xác nhận tại hiện trường thông qua ICT. Tổ chức chứng nhận phải nêu rõ cơ sở và lập thành thông tin dạng văn bản về lý do việc xác nhận có thể được thực hiện thông qua ICT.

4.4.4.6.3 Thời hạn hoàn thành các hành động khắc phục đối với các sự không phù hợp nặng được xác định trong quá trình đánh giá và việc xác nhận của tổ chức chứng nhận phải tuân theo các quy định của tổ chức chứng nhận nhưng không được vượt quá ba tháng.

4.4.4.6.4 Nếu các điều kiện tự nhiên đặc thù hoặc các hoàn cảnh đặc biệt không cho phép thực hiện các hành động khắc phục trong thời hạn quy định tại 4.4.4.6.3, tổ chức chứng nhận có thể cho phép gia hạn. Thời hạn tối đa là 12 tháng và cơ sở cho việc gia hạn phải được lập thành thông tin dạng văn bản.

VÍ DỤ: Hoàn cảnh đặc biệt có thể bao gồm tình huống đại dịch, xung đột dân sự, thiếu an ninh hoặc thiên tai.

4.4.4.6.5 Tổ chức chứng nhận phải xác nhận hiệu quả của các hành động khắc phục đối với các sự không phù hợp nhẹ chậm nhất tại cuộc đánh giá tiếp theo.

4.4.4.6.6 Trường hợp các hành động được thực hiện để khắc phục một sự không phù hợp nặng nhưng không đạt hiệu quả trong thời hạn đã thống nhất với tổ chức chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ.

4.4.4.6.7 Tổ chức chứng nhận phải có các quy trình về việc đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ ngay lập tức trong trường hợp phát hiện các sự không phù hợp không được khắc phục hoặc trong trường hợp khách hàng thực hiện các hành vi tham nhũng hoặc gian lận có chủ ý.

CHÚ THÍCH 1: Các sự không phù hợp không được khắc phục là các sự không phù hợp nặng có tính cố ý, nghiêm trọng và đáng kể, không được khắc phục trong một khoảng thời gian hợp lý.

CHÚ THÍCH 2: Các hành vi gian lận bao gồm cả việc vi phạm pháp luật.

4.4.5 Quyết định chứng nhận

4.4.5.1 Yêu cầu chung

4.4.5.1.1 Trước khi cấp chứng nhận lần đầu và tái chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải:

- a) xem xét, chấp nhận và xác nhận các khắc phục và hành động khắc phục đối với mọi sự không phù hợp nặng;
- b) xem xét và chấp nhận kế hoạch khắc phục và hành động khắc phục đối với các sự không phù hợp nhẹ.

4.4.5.2 Tình trạng chứng nhận

4.4.5.2.1 Tổ chức chứng nhận phải xác định tình trạng chứng nhận như sau:

- a) Có hiệu lực;
- b) Bị đình chỉ;
- c) Bị thu hồi;
- d) Bị chấm dứt;
- e) Hết hiệu lực.

CHÚ THÍCH: Ngoài ra, khi VFCS bị mất sự công nhận của PEFC hoặc bị đình chỉ công nhận, Hội đồng PEFC sẽ coi mọi chứng chỉ được cấp theo VFCS là không được PEFC công nhận. Tình trạng này sẽ được cập nhật tương ứng trên trang web của PEFC và các khách hàng bị ảnh hưởng bởi việc đình chỉ hoặc chấm dứt sẽ không còn được phép đưa ra các khai báo PEFC hoặc sử dụng nhãn PEFC dưới bất kỳ hình thức nào.

4.4.5.2.2 Trường hợp chứng nhận bị chấm dứt, đình chỉ hoặc thu hồi, hoặc Hội đồng PEFC đình chỉ hoặc chấm dứt việc công nhận VFCS, tổ chức chứng nhận phải thông báo cho khách hàng rằng mọi việc tiếp tục sử dụng nhãn PEFC và các khai báo PEFC là không được phép. Trong trường hợp đình chỉ, tổ chức chứng nhận phải giám sát việc khách hàng tuân thủ yêu cầu này.

4.4.6 Duy trì chứng nhận

4.4.6.1 Hoạt động giám sát

4.4.6.1.1 Đánh giá giám sát phải được thực hiện ít nhất hằng năm. Tổ chức chứng nhận phải thực hiện ít nhất bốn cuộc đánh giá giám sát trước ngày hết hạn của chứng chỉ.

CHÚ THÍCH 1: Hằng năm có nghĩa là mười hai tháng, cộng hoặc trừ ba tháng.

CHÚ THÍCH 2: Nếu chứng chỉ có hiệu lực dưới năm năm, số lượng các cuộc đánh giá giám sát có thể được giảm tương ứng.

4.4.6.1.2 Trong các trường hợp có cơ sở hợp lý, tần suất đánh giá giám sát có thể được tổ chức chứng nhận tăng lên tùy theo mức độ rủi ro tổng thể liên quan đến hồ sơ của khách hàng và kết quả của các cuộc đánh giá trước đó.

4.4.6.1.3 Một phần của đánh giá giám sát hoặc toàn bộ đánh giá giám sát, khi phù hợp, có thể được thực hiện từ xa bằng ICT theo 4.4.4.3 nếu:

- a) không có sự không phù hợp nặng nào được nêu ra trong cuộc đánh giá trước đó;
- b) các sự không phù hợp nhẹ có thể được xác nhận từ xa; và
- c) khách hàng có hệ thống quản lý được kiểm soát tập trung có thể truy cập từ xa và cung cấp cho tổ chức chứng nhận tất cả các hồ sơ cần thiết để thực hiện đánh giá.

4.4.6.1.4 Tổ chức chứng nhận không được thực hiện quá hai cuộc đánh giá giám sát liên tiếp hoàn toàn bằng hình thức đánh giá từ xa.

4.4.6.2 Tái chứng nhận

4.4.6.2.1 Đánh giá tái chứng nhận phải được thực hiện tại hiện trường. Một số phần của đánh giá tái chứng nhận, như cuộc họp khai mạc, cuộc họp kết thúc và việc đóng các sự không phù hợp nhẹ hoặc các quá trình hành chính khác, ví dụ: tài liệu hệ thống, việc xem xét đánh giá nội bộ hoặc xem xét của lãnh đạo của khách hàng, có thể được thực hiện từ xa theo 4.4.4.3. Kế hoạch đánh giá phải

xác định những nội dung nào của cuộc đánh giá có thể được thực hiện hiệu quả từ xa.

4.4.6.3 Đánh giá đặc biệt

4.4.6.3.1 Yêu cầu chung

4.4.6.3.1.1 Tổ chức chứng nhận có thể thực hiện các loại đánh giá đặc biệt khác nhau theo các yêu cầu của chương này.

4.4.6.3.1.2 Toàn bộ đánh giá đặc biệt hoặc một số nội dung của đánh giá đặc biệt, như cuộc họp khai mạc, cuộc họp kết thúc, việc đóng các sự không phù hợp nhẹ hoặc các quá trình hành chính, có thể được thực hiện từ xa theo 4.4.4.3. Kế hoạch đánh giá phải xác định những nội dung nào của cuộc đánh giá có thể được thực hiện hiệu quả từ xa.

4.4.6.3.1.3 Mở rộng phạm vi chứng nhận

Tổ chức chứng nhận có thể thực hiện đánh giá mở rộng phạm vi khi khách hàng đề nghị mở rộng phạm vi chứng nhận. Việc mở rộng phạm vi yêu cầu phải có đánh giá để quyết định liệu việc mở rộng có thể được chấp thuận hay không.

CHÚ THÍCH: Đánh giá mở rộng phạm vi có thể được thực hiện khi có sự thay đổi đáng kể đối với diện tích rừng được chứng nhận. Việc mở rộng phạm vi có thể xảy ra, ví dụ, để bao gồm các loại rừng mới hoặc khi có sự thay đổi đáng kể trong quản lý rừng.

4.4.6.3.2 Đánh giá không báo trước hoặc báo trước trong thời gian ngắn

4.4.6.3.2.1 Đánh giá không báo trước hoặc báo trước trong thời gian ngắn có thể được thực hiện khi tổ chức chứng nhận phát hiện quan ngại có căn cứ rằng khách hàng đang cố ý vi phạm một yêu cầu trong tiêu chuẩn.

4.4.6.3.2.2 Tổ chức chứng nhận có thể đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ nếu khách hàng không chấp nhận cuộc đánh giá không báo trước hoặc báo trước trong thời gian ngắn mà không có lý do hợp lý.

4.4.6.3.2.3 Tổ chức chứng nhận phải xác định các điều kiện để thực hiện các cuộc đánh giá không báo trước hoặc báo trước trong thời gian ngắn, quy định về việc thông báo cho khách hàng.

4.4.6.3.2.4 Các điều kiện phải bao gồm việc điều tra các quan ngại có căn cứ và các lý do khác.

4.4.7 Yêu cầu xem xét lại

4.4.7.1 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình tiếp nhận và giải quyết yêu cầu xem xét lại được lập thành thông tin dạng văn bản để khách hàng có thể thực hiện yêu cầu xem xét lại với quyết định chứng nhận.

CHÚ THÍCH: Thuật ngữ "yêu cầu xem xét lại" được định nghĩa trong TCVN ISO/IEC 17000:2020 như sau: Yêu cầu của cá nhân hoặc tổ chức cung cấp hoặc chính là đối tượng đánh giá sự phù hợp với tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc tổ chức công nhận đối với việc xem xét lại quyết định tổ chức này đã đưa ra liên quan đến đối tượng đó.

4.4.7.2 Tổ chức chứng nhận phải công bố công khai quy trình tiếp nhận và giải quyết yêu cầu xem xét lại, bao gồm các mốc thời gian xử lý cụ thể.

4.4.8 Khiếu nại

4.4.8.1 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình xử lý khiếu nại được lập thành thông tin dạng văn bản, theo đó bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào cũng có thể gửi khiếu nại liên quan đến quá trình chứng nhận.

CHÚ THÍCH: Thuật ngữ *khiếu nại* được định nghĩa trong TCVN ISO/IEC 17000:2020 như sau: Diễn đạt sự không hài lòng, không phải là yêu cầu xem xét lại, của cá nhân hoặc tổ chức với tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc tổ chức công nhận liên quan đến hoạt động của tổ chức đó, với mong muốn được đáp lại.

4.4.8.2 Quy trình này phải bao gồm ít nhất một cơ chế được công bố công khai để các bên liên quan báo cáo các trường hợp có khả năng có sự trình bày sai lệch hoặc hành vi tham nhũng

4.4.8.3 Tổ chức chứng nhận phải công bố công khai quy trình xử lý khiếu nại, bao gồm các mốc thời gian cụ thể.

4.4.8.4 Tổ chức chứng nhận phải thông báo cho bên khiếu nại về việc điều tra, các kết quả tương

ứng và, khi cần thiết, các hành động sẽ được thực hiện bởi từng bên.

4.4.8.5 Tổ chức chứng nhận phải thông báo cho VFCS trong vòng bảy ngày kể từ khi biết về một quan ngại có căn cứ. Tổ chức chứng nhận cũng phải thông báo cho khách hàng và/hoặc Hội đồng PEFC khi phù hợp.

4.4.8.6 Khi có yêu cầu của VFCS, tổ chức chứng nhận phải cung cấp các chi tiết của việc điều tra, bao gồm các kết quả, liên quan đến một quan ngại có căn cứ và khiếu nại đối với khách hàng. Khi có yêu cầu, các thông tin này cũng phải được cung cấp cho Hội đồng PEFC.

4.4.8.7 Khi có yêu cầu của VFCS, tổ chức chứng nhận phải cung cấp bản tóm tắt các khiếu nại mà mình đã nhận được liên quan đến chứng nhận VFCS. Bản tóm tắt này phải được cung cấp bằng tiếng Anh nếu VFCS yêu cầu.

CHÚ THÍCH: Bản tóm tắt phải bao gồm các khiếu nại nhận được từ khi cấp chứng chỉ gần nhất (thời gian tái chứng nhận gần nhất nếu là tái chứng nhận) và phải bao gồm các thông tin sau:

- a) thông tin người yêu cầu xem xét lại/người khiếu nại (nếu được họ đồng ý);
- b) thông tin khách hàng, bao gồm số chứng chỉ (nếu là chứng nhận theo nhóm, xác định các thành viên nhóm bị ảnh hưởng bởi khiếu nại);
- c) mô tả;
- d) nội dung khiếu nại;
- e) tóm tắt quá trình xử lý khiếu nại;
- f) các yêu cầu không được tuân thủ;
- g) bằng chứng;
- h) kết quả/giải quyết khiếu nại.

4.4.8.8 Khi có yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho Hội đồng PEFC và VFCS mọi thông tin về việc điều tra của mình đối với một quan ngại có căn cứ nhận được liên quan đến khách hàng.

4.5 Yêu cầu hệ thống quản lý

4.5.1 Yêu cầu chung

4.5.1.1 Tổ chức chứng nhận phải có một hệ thống để duy trì việc cập nhật và theo dõi các thay đổi của pháp luật ở cấp độ quốc gia và địa phương, các quy định quốc tế liên quan đến quản lý rừng áp dụng đối với khách hàng của mình.

CHÚ THÍCH: Nội dung các quy định áp dụng cho quản lý rừng được trình bày ở Phụ lục F.

4.5.1.2 Khi có yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho Hội đồng PEFC hoặc VFCS mọi thông tin cần thiết cho các hoạt động giám sát của PEFC và VFCS, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quản lý rủi ro về xung đột lợi ích hoặc tính khách quan và các quy định, quy trình của tổ chức chứng nhận để xác định và xử lý việc khách hàng không tuân thủ.

4.5.1.3 Ngoài các cơ chế khiếu nại và yêu cầu xem xét lại, tổ chức chứng nhận phải thực hiện các hoạt động giám sát để xác định và giảm thiểu các trường hợp trình bày sai lệch hoặc hành vi tham nhũng.

4.5.1.4 Tổ chức chứng nhận phải bảo vệ tính bảo mật và sự an toàn của các bên liên quan bị ảnh hưởng hoặc bất kỳ cá nhân nào cung cấp thông tin liên quan đến chứng nhận VFCS/PEFC, như các khiếu nại và yêu cầu xem xét lại.

4.5.2 Đánh giá nội bộ của tổ chức chứng nhận

4.5.2.1 Khi được yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho Hội đồng PEFC hoặc VFCS bản tóm tắt kết quả của các cuộc đánh giá nội bộ hằng năm của mình, giới hạn trong việc thực hiện chứng nhận quản lý rừng theo VFCS/PEFC.

5 Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC

Tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu tại PEFC ST 2003:2020.

Phụ lục A (quy định) Chứng nhận quản lý rừng theo nhóm

A.1 Giới thiệu

Phụ lục này bao gồm các yêu cầu bổ sung cho các yêu cầu trong phần nội dung chính của tiêu chuẩn này, được áp dụng bởi các tổ chức chứng nhận khi thực hiện chứng nhận theo nhóm. Phụ lục này phải được áp dụng khi chứng nhận rừng theo nhóm.

Mục tiêu của các yêu cầu bổ sung này là bảo đảm rằng hoạt động đánh giá cung cấp mức độ tin cậy đầy đủ về sự phù hợp của hoạt động quản lý rừng của khách hàng chứng nhận theo nhóm với tiêu chuẩn quản lý rừng, đối với tất cả thành viên nhóm, đồng thời bảo đảm rằng hoạt động đánh giá có tính thực tiễn và khả thi cả về mặt kinh tế và vận hành.

A.2 Các vấn đề pháp lý và thỏa thuận chứng nhận

A.2.1 Thỏa thuận chứng nhận

A.2.1.1 Thỏa thuận chứng nhận phải cho phép tổ chức chứng nhận thực hiện các hoạt động chứng nhận đối với tất cả thành viên nhóm của chứng nhận rừng theo nhóm.

A.3 Yêu cầu về thông tin

A.3.1 Tài liệu chứng nhận

A.3.1.1 Chứng chỉ

A.3.1.1.1 Đối với chứng nhận theo nhóm, tổ chức chứng nhận phải cấp một chứng chỉ duy nhất mang tên và địa chỉ của chủ thể nhóm của khách hàng. Chứng chỉ phải bao gồm tham chiếu đến cơ sở dữ liệu PEFC hoặc cơ sở dữ liệu được PEFC thừa nhận đối với các thông tin liên quan đến các thành viên nhóm thuộc phạm vi chứng chỉ. Phạm vi hoặc các tham chiếu khác trên chứng chỉ phải thể hiện rõ ràng phạm vi của hệ thống quản lý bao gồm tất cả các thành viên trong danh sách.

CHÚ THÍCH: Các cơ sở dữ liệu được PEFC thừa nhận có sẵn trong cơ sở dữ liệu của PEFC International, có thể truy cập từ trang web của PEFC.

A.3.1.1.2 Tổ chức chứng nhận phải có quyền truy cập vào danh sách tất cả thành viên nhóm do chủ thể nhóm duy trì, bao gồm thông tin liên hệ, diện tích rừng thuộc quyền quản lý, cùng bất kỳ thông tin nào khác theo yêu cầu của VFCS/PEFC. Thông tin này cũng phải được cung cấp để VFCS và/hoặc PEFC có thể truy cập.

A.3.1.1.3 Khi chứng chỉ phụ được cấp cho các thành viên nhóm, chứng chỉ phụ phải có cùng phạm vi hoặc phạm vi nhỏ hơn của phạm vi đó, và phải bao gồm tham chiếu rõ ràng đến chứng chỉ chính. Chứng chỉ phụ phải bao gồm tuyên bố:

“Hiệu lực của chứng chỉ phụ này phụ thuộc vào hiệu lực của chứng chỉ chính, và phải được xác minh trong cơ sở dữ liệu PEFC”.

Trong trường hợp chứng chỉ phụ cũng bao gồm số chứng chỉ phụ, số này phải được liên kết với số chứng chỉ chính và được đưa vào trong chứng chỉ.

A.4 Yêu cầu đối với quá trình chứng nhận

A.4.1 Các hoạt động trước chứng nhận

A.4.1.1 Quy định chung

A.4.1.1.1 Trước khi bắt đầu quá trình đánh giá, tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho khách hàng thông tin về các tiêu chí đủ điều kiện và các yêu cầu áp dụng đối với chứng nhận rừng theo nhóm.

CHÚ THÍCH: Các tiêu chí đủ điều kiện và các yêu cầu áp dụng đối với chứng nhận quản lý rừng theo nhóm được trình bày tại tiêu chuẩn VFCS/PEFC ST 1004, Quản lý rừng theo nhóm – Các yêu cầu.

A.4.1.2 Xem xét đơn đăng ký

A.4.1.2.1 Ngoài tên và địa chỉ của khách hàng đăng ký, pháp nhân (nếu có) và tình trạng pháp lý (bao gồm đăng ký kinh doanh hợp pháp) (theo yêu cầu 4.4.1.1 a)), đối với chứng chỉ rừng theo nhóm, tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng đăng ký cung cấp các thông tin sau trong hồ sơ đăng ký:

- số lượng thành viên nhóm;
- tổng diện tích rừng của các thành viên;
- vị trí của các lô rừng; và
- thông tin về nơi lưu trữ và quyền truy cập thông tin dạng văn bản nơi duy trì thông tin đăng ký tham gia của thành viên nhóm.

A.4.1.2.2 Tổ chức chứng nhận phải xác định chủ thể nhóm của khách hàng là đối tác thỏa thuận chứng nhận của mình và là bên chịu trách nhiệm đầy đủ đối với việc thực hiện của khách hàng đăng ký.

A.4.1.2.3 Nếu bất kỳ tiêu chí đủ điều kiện nào đối với chứng nhận theo nhóm không được đáp ứng, tổ chức chứng nhận phải:

- từ chối đơn đăng ký (trong trường hợp đánh giá lần đầu); hoặc
- đình chỉ chứng chỉ (trong trường hợp đánh giá giám sát hoặc đánh giá tái chứng nhận).

A.4.2 Lập kế hoạch

A.4.2.1 Chương trình đánh giá

A.4.2.1.1 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình dạng văn bản đối với chứng nhận theo nhóm.

A.4.2.1.2 Tổ chức chứng nhận phải thiết lập cách thức để tự bảo đảm rằng, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn:

- các yêu cầu quản lý rừng được áp dụng đối với tất cả các thành viên nhóm; và
- chứng nhận hệ thống quản lý được thực hiện một cách hiệu quả bởi tất cả các thành viên nhóm, đồng thời bảo đảm rằng các tiêu chí trong tiêu chuẩn quản lý rừng được đáp ứng.

A.4.2.2 Xác định thời lượng đánh giá

A.4.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải có khả năng chứng minh cơ sở cho thời lượng dành cho các cuộc đánh giá chứng nhận theo nhóm, phù hợp với chính sách tổng thể của mình về phân bổ thời gian đánh giá và theo quy định của VFCS.

A.4.3 Lấy mẫu

A.4.3.1 Quy định chung

A.4.3.1.1 Tổ chức chứng nhận phải có quy trình đối với việc lựa chọn thành viên nhóm trong chương trình/kế hoạch đánh giá.

Tối thiểu, các quy trình này phải bao gồm:

- a) xác định các nhóm mẫu;
- b) xác định cỡ mẫu;
- c) lựa chọn các thành viên nhóm.

A.4.3.2 Xác định cỡ mẫu

A.4.3.2.1 Nhìn chung, cỡ mẫu các thành viên nhóm được đánh giá riêng lẻ nên được xác định như sau:

Đối với đánh giá lần đầu và đánh giá tái chứng nhận:

Căn bậc hai của số thành viên nhóm đã được kiểm tra trong các đánh giá nội bộ, làm tròn lên đến số nguyên gần nhất.

$$y = \sqrt{x}$$

Trong đó:

- y = số thành viên nhóm được đánh giá trong đánh giá bên ngoài
- x = tổng số thành viên nhóm được kiểm tra trong đánh giá nội bộ

Đối với đánh giá giám sát:

Căn bậc hai của số thành viên nhóm được kiểm tra trong đánh giá nội bộ, nhân với hệ số 0,5 và làm tròn lên đến số nguyên gần nhất.

$$y = 0.5\sqrt{x}$$

Trong đó:

- y = số thành viên nhóm được đánh giá trong đánh giá bên ngoài
- x = tổng số thành viên nhóm được kiểm tra trong đánh giá nội bộ

CHÚ THÍCH: Số lượng thành viên nhóm đề cập ở đây là số lượng tối thiểu các thành viên nhóm phải được kiểm tra theo VFCS/PEFC ST 1004.

A.4.3.2.2 Cơ mẫu đối với đánh giá bên ngoài có thể được điều chỉnh theo quy định tại VFCS/PEFC ST 1004 trên cơ sở xem xét một hoặc nhiều chỉ báo sau:

- a) kết quả đánh giá rủi ro. Trong trường hợp này, việc điều chỉnh cỡ mẫu đối với các nhóm có rủi ro thấp hoặc cao phải được xác định;
- b) kết quả của đánh giá nội bộ hoặc các đánh giá chứng nhận trước đó;
- c) chất lượng/mức độ tin cậy của chương trình giám sát nội bộ;
- d) việc sử dụng các công nghệ cho phép thu thập thông tin liên quan đến các yêu cầu cụ thể.

CHÚ THÍCH: Các công nghệ như vậy có thể bao gồm viễn thám, cho phép đưa ra các tuyên bố về sự phù hợp đối với các yêu cầu cụ thể của tiêu chuẩn bền vững.

- e) dựa trên các phương thức khác để thu thập thông tin về các hoạt động tại hiện trường.

A.4.3.2.3 Mẫu được tính toán phải được phân bổ giữa các nhóm theo quy định tại VFCS/PEFC ST 1004.

A.4.3.2.4 Khi phù hợp, tổ chức chứng nhận phải tăng tần suất lấy mẫu dựa trên kết quả của các đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài trước đó.

A.4.3.3 Lựa chọn thành viên nhóm

A.4.3.3.1 Tiêu chí lựa chọn thành viên nhóm phải dựa trên rủi ro và được quy định trong VFCS/PEFC ST 1004.

A.4.3.3.2 Phương pháp lấy mẫu phải bao gồm lựa chọn ngẫu nhiên. Việc lựa chọn ngẫu nhiên phải chiếm ít nhất 25% cỡ mẫu.

A.4.3.3.3 Các thành viên nhóm được lựa chọn để đánh giá thông qua phương pháp lấy mẫu phải thay đổi qua các năm, trừ khi các điều kiện cụ thể yêu cầu một số thành viên nhóm phải được đánh giá trong các cuộc đánh giá liên tiếp (ví dụ: quy mô diện tích rừng).

A.4.3.3.4 Khi lựa chọn thành viên nhóm, tổ chức chứng nhận phải lựa chọn một mẫu các thành viên nhóm đã được thực hiện đánh giá nội bộ trong chu kỳ chứng nhận hiện tại là năm (05) năm, nhằm có thể kiểm tra tính ổn định của hệ thống, và một mẫu các thành viên nhóm chưa được thực hiện đánh giá nội bộ.

CHÚ THÍCH: Các yêu cầu đối với chứng nhận rừng theo nhóm và đánh giá nội bộ được quy định trong VFCS/PEFC ST 1004.

A.4.4 Thực hiện đánh giá

A.4.4.1 Phân tích nguyên nhân của sự không phù hợp

A.4.4.1.1 Khi phát hiện sự không phù hợp tại bất kỳ thành viên nhóm nào, thông qua đánh giá nội bộ của khách hàng hoặc thông qua đánh giá của tổ chức chứng nhận, phải tiến hành điều tra để xác định liệu các thành viên nhóm khác có thể bị ảnh hưởng hay không.

A.4.4.1.2 Tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng thực hiện phân tích nguyên nhân gốc để xem xét các sự không phù hợp, nhằm xác định liệu có tồn tại rủi ro về sự thiếu hụt của hệ thống quản lý rừng áp dụng đối với tất cả thành viên nhóm hay không.

A.4.4.1.3 Nếu xác định có rủi ro về sự thiếu hụt của hệ thống quản lý rừng áp dụng đối với tất cả thành viên nhóm, tổ chức chứng nhận phải yêu cầu khách hàng thực hiện hành động khắc phục ở cả cấp chủ thể nhóm và cấp thành viên nhóm.

A.4.4.1.4 Nếu trong quá trình đánh giá, tổ chức chứng nhận xác định sự không phù hợp tại một hoặc nhiều thành viên nhóm có thể dẫn đến sự thất bại mang tính hệ thống, thì sự không phù hợp đó phải được nêu ở cấp nhóm.

A.4.4.1.5 Nếu số lượng sự không phù hợp được xác định tại các thành viên nhóm riêng lẻ trong quá trình đánh giá có thể cho thấy vấn đề mang tính hệ thống của hệ thống quản lý nội bộ của nhóm, thì sự không phù hợp phải được ban hành đối với toàn bộ nhóm.

A.4.4.1.6 Không được chấp nhận việc, để vượt qua trở ngại do sự tồn tại của sự không phù hợp tại một thành viên nhóm, khách hàng tìm cách loại bỏ thành viên “có vấn đề” đó khỏi phạm vi chứng nhận trong quá trình chứng nhận.

Phụ lục B
(quy định)
Công nhận được Hội đồng PEFC chấp nhận

B.1 Chứng nhận quản lý rừng hoặc chứng nhận sản phẩm phải được thực hiện bởi các tổ chức chứng nhận được công nhận bởi các tổ chức công nhận là bên ký kết Thỏa thuận thừa nhận đa phương (MLA) của IAF hoặc của một tổ chức khu vực như European co-operation for Accreditation (EA), Interamerican Accreditation Cooperation (IAAC), Asia Pacific Accreditation Cooperation (APAC), v.v. Tổ chức công nhận phải là bên ký kết IAF MLA đối với phạm vi chính là ISO/IEC 17021-1.

B.2 Phạm vi công nhận phải nêu rõ các tiêu chuẩn quản lý rừng theo VFCS/PEFC và, khi áp dụng, các tiêu chuẩn chứng nhận theo nhóm VFCS/PEFC mà việc công nhận được cấp, bao gồm phiên bản và năm ban hành của từng tiêu chuẩn thuộc phạm vi công nhận.

CHÚ THÍCH: Danh sách các tiêu chuẩn VFCS/PEFC được công bố công khai trên trang web của VFCS.

B.3 Phạm vi công nhận phải thể hiện việc tổ chức chứng nhận được công nhận theo ISO/IEC 17021-1.

CHÚ THÍCH: Trong khuôn khổ các đánh giá công nhận, các tổ chức công nhận nên cân nhắc thực hiện tham vấn các bên liên quan về kết quả hoạt động của tổ chức chứng nhận, bên cạnh việc đánh giá tại hiện trường.

B.4 Khi có yêu cầu, giấy chứng nhận công nhận phải được cung cấp bằng tiếng Anh.

Phụ lục C
(quy định)
Chỉ định tổ chức chứng nhận theo VFCS/PEFC

(Các yêu cầu này không áp dụng đối với hoạt động công nhận của tổ chức chứng nhận)

C.1 Các tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận quản lý rừng VFCS/PEFC phải được VFCS chỉ định.

C.2 Việc chỉ định phải yêu cầu rằng các tổ chức chứng nhận phải có công nhận còn hiệu lực theo Phụ lục B của tiêu chuẩn này.

C.3 Tổ chức chứng nhận phải cung cấp cho VFCS thông tin về các chứng nhận đã được cấp, theo quy định.

C.4 Khi được VFCS yêu cầu, tổ chức chứng nhận phải nộp phí chỉ định PEFC cho VFCS.

C.5 Để bảo đảm tính độc lập của các tổ chức chứng nhận, các điều kiện chỉ định PEFC do VFCS thực hiện, bao gồm:

- a) các điều kiện hành chính (ví dụ: trao đổi thông tin giữa tổ chức chứng nhận với VFCS hoặc PEFC, việc chuyển giao thông tin, v.v);
- b) các điều kiện tài chính (các khoản phí áp dụng đối với chủ sở hữu chứng chỉ);
- c) việc tuân thủ các yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận, được xác minh thông qua công nhận như được mô tả trong tiêu chuẩn này.

C.6 Các điều kiện chỉ định VFCS và PEFC không được phân biệt đối xử đối với các tổ chức chứng nhận hoặc tạo ra rào cản thương mại.

C.7 Hợp đồng chỉ định phải bao gồm các điều khoản cần thiết để quy định các nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến bảo mật và việc sử dụng dữ liệu.

Phụ lục D
(quy định)

Yêu cầu bổ sung đối với tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận cây ngoài rừng

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
4.2.1.2.2 Trình độ học vấn 4.2.1.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên có kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương). CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là giáo dục bậc ba, bậc học thứ ba hoặc giáo dục sau trung học, là cấp học sau khi hoàn thành giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể được cung cấp, ví dụ, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc các trường cao đẳng. 4.2.1.2.2.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên đã tham gia các khóa đào tạo chính thức liên quan đến lâm nghiệp. 4.2.1.2.2.3 Trình độ học vấn cụ thể liên quan đến lâm nghiệp (xem 4.2.1.2.2.2.) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ học vấn yêu cầu.	4.2.1.2.2 Trình độ học vấn 4.2.1.2.2.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên có kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương). CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là giáo dục bậc ba, bậc học thứ ba hoặc giáo dục sau trung học, là cấp học sau khi hoàn thành giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể được cung cấp, ví dụ, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc các trường cao đẳng. 4.2.1.2.2.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên đã tham gia các khóa đào tạo chính thức liên quan đến lâm nghiệp và/hoặc các khóa đào tạo thuộc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng (ví dụ như nông nghiệp) theo tiêu chuẩn về chứng nhận cây ngoài rừng tại Phụ lục 2 PEFC ST 1003, và yêu cầu của VFCS. 4.2.1.2.2.3 Trình độ học vấn cụ thể liên quan đến lâm nghiệp hoặc TOF (xem 4.2.1.2.2.2.) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ học vấn yêu cầu.
4.2.1.2.3 Kinh nghiệm làm việc 4.2.1.2.3.2 Tổng số năm kinh nghiệm làm việc có thể được giảm một năm nếu đánh giá viên đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực lâm nghiệp, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên. CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.	4.2.1.2.3 Kinh nghiệm làm việc 4.2.1.2.3.2 Tổng số năm kinh nghiệm làm việc có thể được giảm một năm nếu đánh giá viên đã hoàn thành giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương) trong lĩnh vực cây ngoài rừng, đa dạng sinh học hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên. CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học, còn được gọi là bậc thứ ba, bậc sau trung học, là cấp giáo dục sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể đạt được, trong số các hình thức khác, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc cao đẳng.
4.2.1.2.4 Đào tạo về quản lý rừng theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên mới đã được tham gia và hoàn thành khóa đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức trước khi bắt đầu các hoạt động đánh giá.	4.1.2.4 Đào tạo về quản lý rừng theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên mới đã được tham gia và hoàn thành thành công đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức, bao gồm nội dung cụ thể về chứng nhận cây

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
CHÚ THÍCH: Trang web của VFCS cung cấp thêm thông tin về các khóa đào tạo.	ngoài rừng, trước khi bắt đầu các hoạt động đánh giá. CHÚ THÍCH 1: Yêu cầu về cây ngoài rừng được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS. CHÚ THÍCH 2: Trang web của VFCS cung cấp thêm thông tin về các khóa đào tạo.
4.2.1.2.6 Kinh nghiệm đánh giá Đối với việc công nhận đủ năng lực lần đầu của một đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên đó đã thực hiện, với tư cách đánh giá viên tập sự, ít nhất 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) dưới sự hướng dẫn của trưởng đoàn đánh giá đã được công nhận đủ năng lực, trong vòng một năm gần nhất. CHÚ THÍCH: Thời gian 40 giờ với tư cách đánh giá viên tập sự nên bao gồm các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá lần đầu, đánh giá giám sát và đánh giá tái chứng nhận).	4.2.1.2.6 Kinh nghiệm đánh giá Đối với việc công nhận đủ năng lực lần đầu của một đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên đó đã thực hiện, với tư cách đánh giá viên tập sự, ít nhất 40 giờ đánh giá hệ thống quản lý trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: quản lý rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp, TOF hoặc các lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) dưới sự hướng dẫn của trưởng đoàn đánh giá đã được công nhận đủ năng lực, trong vòng một năm gần nhất. CHÚ THÍCH: Thời gian 40 giờ với tư cách đánh giá viên tập sự nên bao gồm các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá lần đầu, đánh giá giám sát và đánh giá tái chứng nhận).
4.2.1.2.7 Năng lực 4.2.1.2.7.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực sau: a) Các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và quản lý rừng theo nhóm áp dụng trong VFCS/PEFC. b) Các nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật đánh giá, và cách áp dụng chúng một cách phù hợp cho các loại hình đánh giá khác nhau, đồng thời bảo đảm rằng các cuộc đánh giá được thực hiện một cách nhất quán và có hệ thống. c) Quản lý một tổ chức, bao gồm quy mô tổ chức, cơ cấu tổ chức, chức năng và mối quan hệ, các quy trình hoạt động kinh doanh chung, quản lý rủi ro và các khía cạnh văn hóa và xã hội. d) Kiến thức phù hợp về các đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, các vấn đề bền vững, các vấn đề văn hóa (bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, các điều ước liên quan đến người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa	4.2.1.2.7 Năng lực 4.2.1.2.7.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực sau: a) Các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và quản lý rừng theo nhóm áp dụng trong VFCS/PEFC. b) Các nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật đánh giá, và cách áp dụng chúng một cách phù hợp cho các loại hình đánh giá khác nhau, đồng thời bảo đảm rằng các cuộc đánh giá được thực hiện một cách nhất quán và có hệ thống. c) Quản lý một tổ chức, bao gồm quy mô tổ chức, cơ cấu tổ chức, chức năng và mối quan hệ, các quy trình hoạt động kinh doanh chung, quản lý rủi ro và các khía cạnh văn hóa và xã hội. d) Kiến thức phù hợp về các đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, các vấn đề bền vững, các vấn đề văn hóa (bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, các điều ước liên quan đến người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
phương, khi áp dụng, và quan hệ lao động tại khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý rừng. e) Kiến thức về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác, bao gồm: i. Hợp đồng và thỏa thuận và/hoặc thỏa ước lao động tập thể (khi áp dụng); ii. Hệ thống quản trị rừng và thực thi pháp luật của Việt Nam, bao gồm các quy định liên quan đến quyền xã hội, quyền của người lao động và công đoàn, và an toàn, sức khỏe nghề nghiệp của người lao động; iii. Các công ước quốc tế liên quan đến quyền của người lao động (các công ước cốt lõi của ILO); iv. Các điều ước và công ước quốc tế liên quan đến lâm nghiệp, thương mại lâm sản và các sản phẩm có nguồn gốc từ cây.	phương, khi áp dụng, và quan hệ lao động tại khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý TOF. e) Kiến thức về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác, bao gồm: i. Hợp đồng và thỏa thuận và/hoặc thỏa ước lao động tập thể (khi áp dụng); ii. Hệ thống quản trị và thực thi pháp luật về rừng và/hoặc TOF (khi áp dụng) của Việt Nam, bao gồm các quy định liên quan đến quyền xã hội, quyền của người lao động và công đoàn, và an toàn, sức khỏe nghề nghiệp của người lao động; iii. Các công ước quốc tế liên quan đến quyền của người lao động (các công ước cốt lõi của ILO); iv. Các điều ước và công ước quốc tế liên quan đến lâm nghiệp và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng, thương mại lâm sản và/hoặc thương mại cây ngoài rừng, và các sản phẩm có nguồn gốc từ cây.
f) Các nguyên tắc quản lý rừng dựa trên các kỹ thuật, bao gồm: kiểm kê, lập kế hoạch, bảo vệ, quản lý hệ sinh thái rừng, xác định và quản lý các khu rừng có tầm quan trọng sinh thái, trữ lượng các-bon và đa dạng sinh học, cũng như các khía cạnh kỹ thuật của hoạt động lâm nghiệp và các tác động tiềm tàng của chúng. g) Hiểu biết và khả năng sử dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc giám sát và quản lý rừng. h) Quản lý và kiểm soát các tài liệu, dữ liệu và hồ sơ trực tuyến, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và i) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro. 4.2.1.2.7.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đoàn đánh giá bao gồm các cá nhân mà tổng thể có đầy đủ các năng lực cần thiết cho phạm vi của cuộc đánh giá.	f) Các nguyên tắc quản lý rừng và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài, dựa trên các kỹ thuật, bao gồm: kiểm kê, lập kế hoạch, bảo vệ, quản lý hệ sinh thái rừng và/hoặc hệ sinh thái TOF (khi áp dụng, theo các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng được được bao phủ bởi chứng nhận TOF), xác định và quản lý các khu rừng có tầm quan trọng sinh thái và các khu vực ngoài rừng có tầm quan trọng sinh thái, trữ lượng các-bon và đa dạng sinh học, cũng như các khía cạnh kỹ thuật của hoạt động lâm nghiệp và các tác động tiềm tàng của chúng. g) Hiểu biết và khả năng sử dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc giám sát và quản lý TOF. h) Quản lý và kiểm soát các tài liệu, dữ liệu và hồ sơ trực tuyến, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và i) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro. 4.2.1.2.7.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đoàn đánh giá bao gồm các cá nhân mà tổng thể có đầy đủ các năng lực cần thiết cho phạm vi đánh giá.
4.2.1.2.8 Duy trì năng lực của đánh giá viên 4.2.1.2.8.1 Đào tạo về quản lý rừng theo VFCS/PEFC	4.2.1.2.8 Duy trì năng lực của đánh giá viên 4.2.1.2.8.1 Đào tạo về quản lý rừng theo VFCS/PEFC

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
4.2.1.2.8.1.1 Để duy trì đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng các đánh giá viên đã được công nhận đủ năng lực tham gia khóa đào tạo cập nhật về quản lý rừng VFCS, khi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng mà họ được công nhận đủ năng lực để đánh giá, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành. 4.2.1.2.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng khóa đào tạo cập nhật này được hoàn thành trước khi thực hiện các cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn đã được cập nhật.	4.2.1.2.8.1.1 Để duy trì đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng các đánh giá viên đã được công nhận đủ năng lực tham gia khóa đào tạo cập nhật về quản lý rừng VFCS, bao gồm nội dung về TOF, khi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng và/hoặc các yêu cầu về TOF mà họ được công nhận đủ năng lực để đánh giá, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận TOF, được ban hành. 4.2.1.2.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng khóa đào tạo cập nhật này được hoàn thành trước khi thực hiện các cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn đã được cập nhật.
4.2.1.2.8.2 Kinh nghiệm đánh giá 4.1.2.8.2.1 Để duy trì đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên thực hiện tối thiểu 40 giờ đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) mỗi năm. 4.2.1.2.8.2.2 Trong các trường hợp ngoại lệ, như nghỉ theo chế độ pháp luật, bệnh trong thời gian dài hoặc thiếu cơ hội cung cấp dịch vụ chứng nhận, các đánh giá viên không thể đáp ứng yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 phải thực hiện 20 giờ đánh giá quản lý rừng dưới sự giám sát của một đánh giá viên đã được công nhận đủ năng lực, hoặc được tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá chính thức về năng lực trước khi đánh giá viên tiếp tục thực hiện các hoạt động đánh giá (Trường hợp ngoại lệ được áp dụng với thời gian không thể tuân thủ yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 tối đa 24 tháng).	4.2.1.2.8.2 Kinh nghiệm đánh giá 4.2.1.2.8.2.1 Để duy trì đủ năng lực của đánh giá viên, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng đánh giá viên thực hiện tối thiểu 40 giờ đánh giá trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: quản lý rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan đến TOF, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên) mỗi năm. 4.1.2.8.2.2 Trong các trường hợp ngoại lệ, như nghỉ theo chế độ pháp luật, bệnh trong thời gian dài hoặc thiếu cơ hội cung cấp dịch vụ chứng nhận, các đánh giá viên không thể đáp ứng yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 phải thực hiện 20 giờ đánh giá quản lý rừng và/hoặc đánh giá trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng, dưới sự hướng dẫn của một đánh giá viên đã được công nhận đủ năng lực, hoặc được tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá chính thức về năng lực trước khi đánh giá viên tiếp tục thực hiện các hoạt động đánh giá (Trường hợp ngoại lệ được áp dụng với thời gian không thể tuân thủ yêu cầu tại 4.2.1.2.8.2.1 tối đa 24 tháng).
4.2.1.4 Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận 4.2.1.4.2 Trình độ học vấn 4.2.1.4.2.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương).	4.2.1.4 Thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận 4.2.1.4.2 Trình độ học vấn 4.2.1.4.2.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận có kiến thức tương ứng với ít nhất giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương).

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương), còn được gọi là giáo dục bậc ba, bậc học thứ ba hoặc giáo dục sau trung học, là cấp học sau khi hoàn thành giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể được cung cấp, ví dụ, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc các trường cao đẳng. 4.2.1.4.2.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã tham gia các khóa đào tạo chính thức về lâm nghiệp. 4.2.1.4.2.3 Trình độ học vấn chuyên ngành lâm nghiệp cụ thể (xem 4.2.1.4.2.2) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này, nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ giáo dục yêu cầu.	CHÚ THÍCH: Giáo dục bậc sau trung học (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và tương đương), còn được gọi là giáo dục bậc ba, bậc học thứ ba hoặc giáo dục sau trung học, là cấp học sau khi hoàn thành giáo dục trung học. Giáo dục bậc sau trung học có thể được cung cấp, ví dụ, tại các trường đại học, trường kỹ thuật hoặc các trường cao đẳng. 4.2.1.4.2.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận đã tham gia các khóa đào tạo chính thức về lâm nghiệp và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng. 4.2.1.4.2.3 Trình độ học vấn chuyên môn liên quan đến lâm nghiệp và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng (xem 4.2.1.4.2.2) có thể được thay thế bằng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này, nếu tổ chức chứng nhận có thể chứng minh rằng kinh nghiệm đó tương đương với trình độ giáo dục yêu cầu.
4.2.1.4.4 Đào tạo về quản lý rừng theo VFCS/PEFC 4.2.1.4.4.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã được tham gia đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức. 4.2.1.4.4.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã hoàn thành thành công khóa đào tạo này trước khi bắt đầu các hoạt động chứng nhận. CHÚ THÍCH 1: Trang web của VFCS cung cấp thêm thông tin về các khóa đào tạo.	4.2.1.4.4 Đào tạo về quản lý rừng theo VFCS/PEFC 4.2.1.4.4.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã được tham gia đào tạo ban đầu do VFCS tổ chức, bao gồm nội dung về TOF. 4.2.1.4.4.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận mới đã hoàn thành thành công khóa đào tạo này trước khi bắt đầu các hoạt động chứng nhận. CHÚ THÍCH 1: Trang web của VFCS cung cấp thêm thông tin về các khóa đào tạo. CHÚ THÍCH 2: Khóa đào tạo do VFCS tổ chức sẽ bao gồm nội dung về cây ngoài rừng.
4.2.1.4.7 Năng lực 4.2.1.4.7.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực sau: a) Mục tiêu và các yêu cầu về quản lý rừng bền vững; quản lý rừng theo nhóm theo các tiêu chuẩn, quy định áp dụng trong VFCS/PEFC. b) Hiểu biết về đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, các vấn đề bền vững và các vấn đề văn hóa	4.2.1.4.7 Năng lực 4.2.1.4.7.1 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận chứng minh được khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực sau: a) Mục tiêu và các yêu cầu về quản lý rừng bền vững; quản lý rừng theo nhóm theo các tiêu chuẩn, quy định áp dụng trong VFCS/PEFC. b) Hiểu biết về đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, các vấn đề bền vững và các vấn đề văn hóa

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
(bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, các điều ước liên quan đến người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, khi áp dụng, và quan hệ lao động tại khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý rừng. c) Kiến thức chung về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác liên quan đến quản lý rừng, các vấn đề lao động và quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu. d) Các nguyên tắc quản lý rừng. e) Quản lý và kiểm soát các tài liệu, dữ liệu và hồ sơ trực tuyến, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và f) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro. 4.2.1.4.7.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng nhóm thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận bao gồm các cá nhân mà tổng thể có đầy đủ các năng lực cần thiết cho phạm vi đánh giá.	(bao gồm bình đẳng giới), lợi ích và giá trị của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, các điều ước liên quan đến người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, khi áp dụng, và quan hệ lao động tại khu vực áp dụng các yêu cầu quản lý cây ngoài rừng. c) Kiến thức chung về pháp luật, quy định hoặc các yêu cầu liên quan khác liên quan đến quản lý rừng và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến cây ngoài rừng, các vấn đề lao động, và quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu. d) Các nguyên tắc quản lý rừng và/hoặc các ngành liên quan trực tiếp đến loại hình sử dụng đất cây ngoài rừng. e) Quản lý và kiểm soát các tài liệu, dữ liệu và hồ sơ trực tuyến, dữ liệu mật, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu; và f) Áp dụng các kỹ thuật đánh giá rủi ro. 4.2.1.4.7.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng nhóm thẩm xét viên và người ra quyết định chứng nhận bao gồm các cá nhân mà tổng thể có đầy đủ các năng lực cần thiết cho phạm vi đánh giá.
4.2.1.4.8 Duy trì công nhận đủ năng lực với tư cách thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận 4.2.1.4.8.1 Đào tạo về quản lý rừng VFCS/PEFC 4.2.1.4.8.1.1 Để duy trì công nhận đủ năng lực của thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia khóa đào tạo cập nhật về quản lý rừng theo quy định của VFCS, khi phiên bản mới của (các) tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC mà họ được công nhận đủ năng lực để thực hiện các hoạt động chứng nhận tương ứng, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành. 4.2.1.4.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng khóa đào tạo cập nhật này được hoàn thành thành công trước khi thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận thực hiện các hoạt động chứng nhận theo tiêu chuẩn đã được cập nhật.	4.2.1.4.8 Duy trì công nhận đủ năng lực với tư cách thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận 4.2.1.4.8.1 Đào tạo về quản lý rừng PEFC 4.2.1.4.8.1.1 Để duy trì công nhận đủ năng lực của thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia khóa đào tạo cập nhật về quản lý rừng theo quy định của VFCS, bao gồm nội dung về cây ngoài rừng mà họ được công nhận đủ năng lực để thực hiện các hoạt động chứng nhận tương ứng, hoặc các tiêu chuẩn quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận quản lý rừng bền vững, được ban hành. 4.2.1.4.8.1.2 Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng khóa đào tạo cập nhật này được hoàn thành thành công trước khi thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận thực hiện các hoạt động chứng nhận theo tiêu chuẩn đã được cập nhật. CHÚ THÍCH: Nội dung về cây ngoài rừng được quy định trong chương trình đào tạo của VFCS.

Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý rừng bền vững	Yêu cầu đối với chứng nhận quản lý cây ngoài rừng (TOF)
4.2.1.4.8.2 Kinh nghiệm đánh giá Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia với tư cách quan sát viên trong các cuộc đánh giá quản lý rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương (ví dụ: cây ngoài rừng, kinh nghiệm đánh giá theo ISO 9001, ISO 14001 hoặc ISO 45001 trong lĩnh vực lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực liên quan, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên thiên nhiên), tối thiểu 16 giờ trong mỗi hai năm, bao gồm một phần đánh giá tại văn phòng và một phần đánh giá tại hiện trường, cùng với cuộc họp kết thúc. CHÚ THÍCH: Việc quan sát có thể được thực hiện từ xa thông qua ICT.	4.2.1.4.8.2 Kinh nghiệm đánh giá Tổ chức chứng nhận phải bảo đảm rằng thẩm xét viên hoặc người ra quyết định chứng nhận đã được công nhận đủ năng lực tham gia với tư cách quan sát viên trong các cuộc đánh giá thuộc các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến loại hình sử dụng đất cây ngoài rừng hoặc các cuộc đánh giá tương đương, tối thiểu 16 giờ trong mỗi hai năm, bao gồm một phần đánh giá tại văn phòng và một phần đánh giá tại hiện trường, cùng với cuộc họp kết thúc. CHÚ THÍCH: Việc quan sát có thể được thực hiện từ xa thông qua ICT.

Phụ lục E
(tham khảo)
Danh mục các quy định liên quan đến quản lý rừng
áp dụng đối với các tổ chức khách hàng

Các quy định pháp luật Việt Nam nêu dưới đây cần được tham khảo trong thực hiện đánh giá chứng nhận quản lý rừng bền vững và PEFC CoC. Cần lưu ý rằng sử dụng quy định pháp luật còn hiệu lực và luôn luôn cập nhật về các quy định pháp luật Việt Nam.

F.1 Quy định pháp luật liên quan đến lâm nghiệp

- Luật lâm nghiệp và các nghị định, thông tư liên quan
- Quy định đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam
- Quy định về khai thác, quản lý và truy suất nguồn gốc lâm sản
- Quy định về quản lý giống cây lâm nghiệp
- Quy định về các biện pháp lâm sinh
- Quy định về khai thác tác động thấp, đường lâm nghiệp

F.2 Quy định pháp luật liên quan đến đất đai

- Luật đất đai và các nghị định, thông tư liên quan đến quyền sở hữu đất và rừng
- Các quy định liên quan đến giải quyết tranh chấp đất đai

F.3 Quy định pháp luật liên quan đến môi trường

- Luật bảo vệ môi trường và các nghị định, thông tư liên quan
- Quy định về quản lý chất thải nguy hại
- Quy định về quản lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật
- Luật đa dạng sinh học và các nghị định, thông tư liên quan
- Quy định về đánh giá tác động môi trường
- Quy định bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, Danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm
- Quy định về bảo vệ hành lang ven suối
- Thông tin về các vực bảo tồn cao, khu rừng phòng hộ, đặc dụng

F.4 Quy định pháp luật liên quan đến lao động

- Luật lao động và các Nghị định, thông tư liên quan
- Quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động

F.5 Các quy định pháp luật khác

- Các quy định về thuế, phí, thương mại, hải quan liên quan đến lâm nghiệp
- Quy định về phòng chống tham nhũng
- Quy định về quản lý doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh,...
- Các quy định liên quan đến quyền của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

- [1] Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), *Luật Lâm nghiệp*, 2017.
- [2] Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật*, 2025.
- [3] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp*;
- [4] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2026), *Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/1/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật*;
- [5] VFCS/PEFC ST 1003:2026, TCVN 14596:2025, *Quản lý rừng bền vững - các yêu cầu*;
- [6] VFCS/PEFC 1003:2019, *Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững*;
- [7] VFCS/PEFC ST 1004:2026, *Quản lý rừng bền vững theo nhóm – Các yêu cầu*;
- [8] Văn phòng Công nhận chất lượng, 2022, ARC.18 - *Áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015 cho công nhận tổ chức chứng nhận chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FM) thuộc VFCS*;

Tài liệu Tiếng Anh

- [9] IAF mandatory Document MD 1: 2023, *Audit and Certification of a Management System Operated by a Multi-Site Organisation*;
- [10] IAF Mandatory Document MD 2: 2017, *Transfer of Accredited Certification of Management Systems*;
- [11] IAF Mandatory Document MD 4: 2025, *The use of Information and Communication Technology for auditing purposes*;
- [12] IAF Mandatory Document MD 5: 2019, *Determination of audit time of quality, environmental, and occupational health & safety management systems*;
- [13] IAF Mandatory Document MD 23: 2023, *Control of Entities Operating on Behalf of Accredited Management Systems Certification Bodies*;
- [14] ISO/IEC 17000, *Conformity assessment – Vocabulary and general principles*;
- [15] ISO/IEC 17021-1, *Conformity assessment – Requirements for bodies providing audit and certification of management systems – Part 1: Requirements*;
- [16] ISO/IEC 17065, *Conformity assessment – Requirements for bodies, certifying products, processes and services*;
- [17] ISO/IEC 17067, *Conformity assessment - Fundamentals of product certification and guidelines for product certification systems*;
- [18] ISO 19011, *Guidelines for auditing Management systems*;
- [19] PEFC ST 1001, *Standard Setting – Requirements* (available from www.pefc.org);
- [20] PEFC ST 2001, *PEFC Trademarks Rules – Requirements* (hereinafter PEFC Trademarks standard), (available from www.pefc.org);
- [21] *ISO/IEC 17000, Conformity assessment – Vocabulary and general principles*;
- [22] PEFC ST 1003, *Sustainable Forest Management – Requirements* (available from www.pefc.org);
- [23] PEFC ST 1002, *Group Forest Management Certification – Requirements* (available from www.pefc.org);

